

Số: 81 /2025/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành
bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của
Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02
cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

*Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung
một số điều của Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa
bàn tỉnh Lai Châu.*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1, như sau:

“Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể:

1. Điều chỉnh giá đất do biến động về giá trên thị trường, điều chỉnh tên đơn vị hành chính (*chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).

2. Bổ sung giá đất một số tuyến đường, phố, ngõ chưa có giá và mới phát sinh (*chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

3. Điều chỉnh giá đất, điều chỉnh tên các tuyến đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối (*chi tiết theo Phụ lục 03*).

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3, như sau:

“Điều 3. Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

1. Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân; chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân;

2. Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm, trừ trường hợp cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất;

3. Tính thuế sử dụng đất;

4. Tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân;

5. Tính lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

6. Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

7. Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai;

8. Tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với hộ gia đình, cá nhân;

9. Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng;

10. Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân;

11. Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê”

3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 2.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, giá đất tại Bảng giá đất để xác định nghĩa vụ tài chính, thuế và các khoản thu ngân sách từ đất đai được tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024 thì giá đất tính tiền sử dụng đất khi bố trí tái định cư được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.
2. Các nội dung không điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.
3. Bãi bỏ Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, V, C, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Hà Trọng Hải

PHỤ LỤC I: BẢNG GIÁ ĐẤT ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA

DVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	41	37	35
2	Phường Đoàn Kết	41	37	35
3	Xã Mường Kim	43	39	38
4	Xã Khoen On	41	38	36
5	Xã Than Uyên	43	39	38
6	Xã Mường Than	43	39	38
7	Xã Pắc Ta	40	37	35
8	Xã Nậm Sò	37	35	31
9	Xã Tân Uyên	42	38	36
10	Xã Mường Khoa	42	38	36
11	Xã Bản Bo	40	37	35
12	Xã Bình Lư	42	38	36
13	Xã Tả Lèng	40	37	35
14	Xã Khun Há	37	35	31
15	Xã Tủa Sín Chải	36	31	29
16	Xã Sìn Hồ	40	37	31
17	Xã Hồng Thu	36	31	29
18	Xã Nậm Tăm	38	36	30
19	Xã Pu Sam Cáp	36	31	29
20	Xã Nậm Cuổi	36	31	29
21	Xã Nậm Mạ	36	31	29
22	Xã Pa Tần	38	36	30
23	Xã Sìn Suối Hồ	40	37	35
24	Xã Phong Thổ	40	37	35
25	Xã Đào San	37	35	31
26	Xã Si Lở Lầu	37	35	31
27	Xã Khổng Lào	42	38	36
28	Xã Lê Lợi	40	37	31

29	Xã Nậm Hàng	40	37	31
30	Xã Mường Mô	40	37	31
31	Xã Hua Bum	38	36	30
32	Xã Bum Nưa	40	37	31
33	Xã Bum Tở	40	37	31
34	Xã Mường Tè	40	37	31
35	Xã Thu Lũm	38	36	30
36	Xã Pa Ủ	36	31	29
37	Xã Tà Tổng	36	31	29
38	Xã Mù Cả	36	31	29

II. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA CÒN LẠI

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	40	36	30
2	Phường Đoàn Kết	40	36	30
3	Xã Mường Kim	40	36	30
4	Xã Khoen On	38	33	28
5	Xã Than Uyên	40	36	30
6	Xã Mường Than	40	36	30
7	Xã Pắc Ta	38	33	28
8	Xã Nậm Sỏ	33	31	26
9	Xã Tân Uyên	40	36	30
10	Xã Mường Khoa	40	36	30
11	Xã Bản Bo	38	33	28
12	Xã Bình Lư	40	36	30
13	Xã Tả Lèng	38	33	28
14	Xã Khun Há	33	31	26
15	Xã Tủa Sín Chải	31	29	24
16	Xã Sìn Hồ	38	33	28
17	Xã Hồng Thu	31	29	24
18	Xã Nậm Tăm	33	31	26
19	Xã Pu Sam Cáp	31	29	24
20	Xã Nậm Cuối	31	29	24

21	Xã Nậm Mạ	31	29	24
22	Xã Pa Tần	33	31	26
23	Xã Sin Suối Hồ	38	33	28
24	Xã Phong Thổ	40	36	30
25	Xã Đào San	33	31	26
26	Xã Si Lở Lầu	33	31	26
27	Xã Khổng Lào	40	36	30
28	Xã Lê Lợi	38	33	28
29	Xã Nậm Hàng	38	33	28
30	Xã Mường Mô	38	33	28
31	Xã Hua Bum	33	31	26
32	Xã Bum Nưa	38	33	28
33	Xã Bum Tở	38	33	28
34	Xã Mường Tè	38	33	28
35	Xã Thu Lũm	33	31	26
36	Xã Pa Ủ	31	29	24
37	Xã Tà Tổng	31	29	24
38	Xã Mù Cả	31	29	24

III. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	38	32	27
2	Phường Đoàn Kết	38	32	29
3	Xã Mường Kim	39	35	29
4	Xã Khoen On	36	31	27
5	Xã Than Uyên	39	35	29
6	Xã Mường Than	39	35	29
7	Xã Pắc Ta	36	31	27
8	Xã Nậm Sỏ	31	27	25
9	Xã Tân Uyên	38	32	29
10	Xã Mường Khoa	38	32	29
11	Xã Bản Bo	36	31	27
12	Xã Bình Lư	38	32	29
13	Xã Tả Lèng	36	31	27

14	Xã Khun Há	32	30	25
15	Xã Tủa Sín Chải	30	27	22
16	Xã Sín Hồ	36	32	26
17	Xã Hồng Thu	30	27	22
18	Xã Nậm Tăm	33	29	25
19	Xã Pu Sam Cáp	30	27	22
20	Xã Nậm Cười	30	27	22
21	Xã Nậm Mạ	30	27	22
22	Xã Pa Tần	33	29	25
23	Xã Sín Suối Hồ	36	31	27
24	Xã Phong Thổ	38	32	29
25	Xã Đào San	31	27	25
26	Xã Si Lở Lầu	31	27	25
27	Xã Khổng Lào	38	32	29
28	Xã Lê Lợi	36	32	26
29	Xã Nậm Hàng	36	32	26
30	Xã Mường Mô	36	32	26
31	Xã Hua Bum	33	29	25
32	Xã Bum Nưa	36	32	26
33	Xã Bum Tở	36	32	26
34	Xã Mường Tè	36	32	26
35	Xã Thu Lũm	33	29	25
36	Xã Pa Ủ	30	27	22
37	Xã Tà Tổng	30	27	22
38	Xã Mù Cả	30	27	22

IV. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	40	36	30
2	Phường Đoàn Kết	40	36	30
3	Xã Mường Kim	40	36	30
4	Xã Khoen On	38	33	28
5	Xã Than Uyên	40	36	30

6	Xã Mường Than	40	36	30
7	Xã Pắc Ta	38	33	28
8	Xã Nậm Sỏ	33	31	26
9	Xã Tân Uyên	40	36	30
10	Xã Mường Khoa	40	36	30
11	Xã Bản Bo	38	33	28
12	Xã Bình Lư	40	36	30
13	Xã Tả Lèng	38	33	28
14	Xã Khun Há	33	31	26
15	Xã Tủa Sín Chải	31	29	24
16	Xã Sín Hồ	38	33	28
17	Xã Hồng Thu	31	29	24
18	Xã Nậm Tăm	33	31	26
19	Xã Pu Sam Cáp	31	29	24
20	Xã Nậm Cuối	31	29	24
21	Xã Nậm Mạ	31	29	24
22	Xã Pa Tần	33	31	26
23	Xã Sín Suối Hồ	38	33	28
24	Xã Phong Thổ	40	36	30
25	Xã Đào San	33	31	26
26	Xã Si Lờ Lầu	33	31	26
27	Xã Không Lào	40	36	30
28	Xã Lê Lợi	38	33	28
29	Xã Nậm Hàng	38	33	28
30	Xã Mường Mô	38	33	28
31	Xã Hua Bum	33	31	26
32	Xã Bum Nưa	38	33	28
33	Xã Bum Tờ	38	33	28
34	Xã Mường Tè	38	33	28
35	Xã Thu Lũm	33	31	26
36	Xã Pa Ủ	31	29	24
37	Xã Tả Tổng	31	29	24
38	Xã Mù Cà	31	29	24

V. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	40	36	30
2	Phường Đoàn Kết	40	36	30
3	Xã Mường Kim	40	36	30
4	Xã Khoen On	38	33	28
5	Xã Than Uyên	40	36	30
6	Xã Mường Than	40	36	30
7	Xã Pắc Ta	38	33	28
8	Xã Nậm Sỏ	33	31	26
9	Xã Tân Uyên	40	36	30
10	Xã Mường Khoa	40	36	30
11	Xã Bản Bo	38	33	28
12	Xã Bình Lư	40	36	30
13	Xã Tả Lèng	38	33	28
14	Xã Khun Há	33	31	26
15	Xã Tủa Sín Chải	31	29	24
16	Xã Sìn Hồ	38	33	28
17	Xã Hồng Thu	31	29	24
18	Xã Nậm Tăm	33	31	26
19	Xã Pu Sam Cáp	31	29	24
20	Xã Nậm Cuối	31	29	24
21	Xã Nậm Mạ	31	29	24
22	Xã Pa Tần	33	31	26
23	Xã Sìn Suối Hồ	38	33	28
24	Xã Phong Thổ	40	36	30
25	Xã Đào San	33	31	26
26	Xã Si Lở Lầu	33	31	26
27	Xã Khổng Lào	40	36	30
28	Xã Lê Lợi	38	33	28
29	Xã Nậm Hàng	38	33	28
30	Xã Mường Mô	38	33	28
31	Xã Hua Bùm	33	31	26

32	Xã Bùn Nưa	38	33	28
33	Xã Bùn Tờ	38	33	28
34	Xã Mường Tè	38	33	28
35	Xã Thu Lũm	33	31	26
36	Xã Pa Ủ	31	29	24
37	Xã Tà Tổng	31	29	24
38	Xã Mù Cả	31	29	24

VI. BẢNG GIÁ ĐẤT NƯƠNG RẦY

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	32	29	24
2	Phường Đoàn Kết	32	29	24
3	Xã Mường Kim	36	31	27
4	Xã Khoen On	32	29	24
5	Xã Than Uyên	36	31	27
6	Xã Mường Than	36	31	27
7	Xã Pắc Ta	30	27	22
8	Xã Nậm Sỏ	27	25	19
9	Xã Tân Uyên	32	29	24
10	Xã Mường Khoa	32	29	24
11	Xã Bản Bo	30	27	22
12	Xã Bình Lư	32	29	24
13	Xã Tả Lèng	30	27	22
14	Xã Khun Há	27	25	19
15	Xã Tủa Sín Chải	24	22	17
16	Xã Sìn Hồ	30	27	22
17	Xã Hồng Thu	24	22	17
18	Xã Nậm Tăm	27	24	19
19	Xã Pu Sam Cáp	24	22	17
20	Xã Nậm Cuối	24	22	17
21	Xã Nậm Mạ	24	22	17
22	Xã Pa Tần	27	24	19
23	Xã Sìn Suối Hồ	30	27	22

24	Xã Phong Thổ	32	29	24
25	Xã Đào San	27	25	19
26	Xã Si Lở Lầu	27	25	19
27	Xã Khổng Lào	32	29	24
28	Xã Lê Lợi	30	27	22
29	Xã Nậm Hàng	30	27	22
30	Xã Mường Mô	30	27	22
31	Xã Hua Bum	27	24	19
32	Xã Bum Nưa	30	27	22
33	Xã Bum Tở	30	27	22
34	Xã Mường Tè	30	27	22
35	Xã Thu Lũm	27	24	19
36	Xã Pa Ủ	24	22	17
37	Xã Tà Tổng	24	22	17
38	Xã Mù Cả	24	22	17

VII. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Phường Tân Phong	8
2	Phường Đoàn Kết	8
3	Xã Mường Kim	8
4	Xã Khoen On	8
5	Xã Than Uyên	8
6	Xã Mường Than	8
7	Xã Pắc Ta	8
8	Xã Nậm Sỏ	8
9	Xã Tân Uyên	8
10	Xã Mường Khoa	8
11	Xã Bản Bo	8
12	Xã Bình Lư	8
13	Xã Tả Lèng	8
14	Xã Khun Há	8
15	Xã Tủa Sín Chải	7

16	Xã Sin Hồ	7
17	Xã Hồng Thu	7
18	Xã Nậm Tăm	7
19	Xã Pu Sam Cáp	7
20	Xã Nậm Cuối	7
21	Xã Nậm Mạ	7
22	Xã Pa Tần	7
23	Xã Sin Suối Hồ	8
24	Xã Phong Thổ	8
25	Xã Đào San	8
26	Xã Si Lở Lầu	8
27	Xã Khổng Lào	8
28	Xã Lê Lợi	7
29	Xã Nậm Hàng	7
30	Xã Mường Mô	7
31	Xã Hua Bum	7
32	Xã Bum Nưa	7
33	Xã Bum Tở	7
34	Xã Mường Tè	7
35	Xã Thu Lũm	7
36	Xã Pa Ủ	7
37	Xã Tà Tổng	7
38	Xã Mù Cả	7

VIII. ĐẤT CHĂN NUÔI TẬP TRUNG

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	41	37	35
2	Phường Đoàn Kết	41	37	35
3	Xã Than Uyên	43	39	38
4	Xã Mường Than	43	39	38
5	Xã Mường Kim	43	39	38
6	Xã Khoen On	41	38	36
7	Xã Tân Uyên	42	38	36

8	Xã Mường Khoa	42	38	36
9	Xã Nậm Sò	37	35	31
10	Xã Pắc Ta	40	37	35
11	Xã Bình Lư	42	38	36
12	XÃ KHUN HÁ	37	35	31
13	Xã Tả Lèng	40	37	35
14	Xã Bản Bo	40	37	35
15	Xã Pa Tần	38	36	30
16	Xã Nậm Tăm	38	36	30
17	Xã Sìn Hồ	40	37	31
18	Xã Tủa Sín Chải	36	31	29
19	Xã Pu Sam Cáp	36	31	29
20	Xã Hồng Thu	36	31	29
21	Xã Nậm Mạ	36	31	29
22	xã Nậm Cuối	36	31	29
23	Xã Phong Thổ	40	37	35
24	Xã Sìn Suối Hồ	40	37	35
25	Xã Đào San	37	35	31
26	Xã Si Lở Lầu	37	35	31
27	Xã Không Lào	42	38	36
28	Xã Nậm Hàng	40	37	31
29	Xã Mường Mô	40	37	31
30	Xã Hua Bum	38	36	30
31	Xã Lê Lợi	40	37	31
32	Xã Bum Nưa	40	37	31
33	xã Bum Tở	40	37	31
34	Xã Mường Tè	40	37	31
35	Xã Thu Lũm	38	36	30
36	Xã Pa Ủ	36	31	29
37	Xã Tả Tổng	36	31	29
38	Xã Mù Cả	36	31	29

IX. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

ĐVT: 1.000/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
IX.1	Phường Tân Phong						
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	4.200	1.500	630	
2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	5.600	1.500	630	
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	7.900			
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.200	750	530	
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.600			
6	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	3.300	760	530	
7	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	6.500	1.400	630	
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	5.400	1.400	600	
9	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	6.500	1.400	630	
10	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	2.200			
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	2.600	740	520	
12	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	3.500	1.040	570	
13	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	4.000	1.180	680	
14	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	4.000	1.180	680	
15	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	4.200			
16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	3.300	1.500	570	
17	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	6.500	1.700	850	
18	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1.300	510	360	
19	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	4.000	1.500	550	
20	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	3.300	1.400	680	
21	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.300			

22	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.200			
23	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	3.300			
24	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.300			
25	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.300			
26	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	1.300			
27	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	1.300			
28	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	1.300			
29	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	1.300			
30	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	1.100			
31	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.200			
32	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	1.900	630	370	
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	1.100	550	330	
34	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	1.900			
35	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	700	320	220	
36	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100			
37	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	3.300			
38	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.200			
39	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.200			
40	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.300			
41	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.300			
42	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	1.300			
43	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300			
44	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1.300			
45	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1.300			
46	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.300			
47	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.300			

48	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	1.300			
49	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.900			
50	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1.300			
51	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300			
52	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300			
53	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	1.900			
54	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300			
55	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.900			
56	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300			
57	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300			
58	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300			
59	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	1.300			
60	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thành	900	390	230	
61	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	1.900			
62	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900			
63	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900			
64	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.000			
65	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.000			
66	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.900			
67	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	1.600			
68	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1.900			
69	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	1.900			
70	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900			
71	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900			

72	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1.900			
73	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	2.000			
74	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.000			
75	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.100			
76	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	900			
77	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1.900	710	500	
78	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.900	710	500	
79	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.900			
80	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.900			
81	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	1.900	600	420	
82	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	2.200			
83	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	1.900	600	420	
84	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	3.300			
85	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	1.900			
86	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.900			
87	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	2.200			
88	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1.900			
89	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	2.500			
90	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	1.900			
91	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	1.900			
92	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.100			
93	Phố Nguyễn Văn Tố	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.600			
94	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	1.600			
95	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1.900			
96	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.900			
97	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	1.900			
98	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	3.300			

99	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	4.000			
100	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900			
101	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900	600	360	
102	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	2.000			
103	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	1.900	600	360	
104	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900			
105	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.100			
106	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.900			
107	Phố Trần Quốc Toản	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1.900			
108	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	3.300			
109	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	1.900			
110	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	1.900	710	500	
111	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	4.000			
112	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	3.700			
113	Đường D5, D6 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	2.000			
114	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	2.000			
115	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	2.100			
116	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiến	1.600			
117	Phố Nguyễn Văn Hiến	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	1.600			
118	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	2.600			
119	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.600			
120	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.600			
121	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.600			
122	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.900			
123	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	1.600			

124	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.300			
125	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	2.600			
126	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	2.000			
127	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	2.000			
128	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp cổng nhà máy chè	700	450	310	
129	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.600			
130	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	1.900			
131	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1.600			
132	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	1.100	490	360	
133	Đường nhánh tám Ao cá Bắc Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	1.100	500	360	
134	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1.300			
135	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1.300			
136	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	1.300			
137	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	1.100			
138	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1.300			
139	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	1.600			
140	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.300			
141	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.300			
142	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	710			
143	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.500	570	380	
144	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	850	410	280	
145	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280	
146	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	2.800	860	420	
147	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	2.000			
148	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	2.900	1.450	870	
149	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.900	710	420	

150	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.900			
151	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.100			
152	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.300			
153	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	850	410	280	
154	Đường số 7 (Nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	750	410	280	
155	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	1.100			
156	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	2.600			
157	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	770	410	280	
158	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	770	410	280	
159	Đường đi UBND xã Sùng Phái cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	710	340	240	
160	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	710	400	270	
161	Đường ven hồ lã	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280	
162	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280	
163	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1.300			
164	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	1.700	890	510	
165	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	1.800	990	510	
166	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Tỷ Phùng			1.300	830	570	
IX.2 Phường Đoàn Kết							
1	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	5.000	1.400	600	
2	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	4.600	1.400	600	

3	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	2.400	760	460	
4	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	1.100	510	360	
5	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	1.100	430	280	
6	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.000	450	280	
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	3.600	990	600	
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	3.200	990	510	
9	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	3.200	1.040	680	
10	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp công trường mầm non Bình Minh	1.900	600	360	
11	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.900	600	280	
12	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.900			
13	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	1.700			
14	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.900	710	390	
15	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	6.900	1.500	660	
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	9.100	1.700	890	
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	6.900	1.500	660	
18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	5.400	1.140	630	
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	4.600	1.140	630	
20	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	700	450	380	
21	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	1.100	490	360	
22	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	850	410	280	
23	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	710	360	280	
24	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	3.200	990	530	
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	2.800	990	530	
26	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	3.300	1.650	990	
27	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	2.700	1.040	650	

28	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	3.300	990	610	
29	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	1.100	490	360	
30	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	1.900	600	360	
31	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	1.900			
32	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	1.900	600	360	
33	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	1.900	600	360	
34	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.600	740	270	
35	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.900	950		
36	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	2.200			
37	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	2.700			
38	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2.200			
39	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	2.600	1.000		
40	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	1.900			
41	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.900			
42	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.900			
43	Phố Nguyễn Thiếp (Đ5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	1.900			
44	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	1.900			
45	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	2.000			
46	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.900			
47	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1.600			
48	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	1.600			
49	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	750	410	280	
50	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thống	1.300	600	280	
51	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1.100	540	380	

52	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	1.300	750	490	
53	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100			
54	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	1.100			
55	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100			
56	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.900			
57	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.100			
58	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100			
59	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100			
60	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1.100			
61	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1.100			
62	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100			
63	Phố Nguyễn Tuấn	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	1.100			
64	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100			
65	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100			
66	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	1.200			
67	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lán Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			710	350	280	
68	Đường nhánh bê tông (Bám nương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lán Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	710	350	280	
69	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	1.100			
70	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	1.100			
71	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	1.100			
72	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	1.100			

73	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	1.100			
74	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	890	380	220	
75	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	690	315	210	
76	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	710	320	220	
77	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.100			
78	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.100			
79	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	1.100			

X. ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

ĐVT: 1.000/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
X.1	Phường Tân Phong						
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.940	1.050	440	
2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	3.920	1.050	440	
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	5.530			
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.540	525	370	
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.820			
6	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.310	530	370	
7	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	4.550	980	440	
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	3.780	980	420	
9	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	4.550	980	440	
10	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.540			
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	1.820	520	364	

12	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	2.450	730	399	
13	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.800	826	476	
14	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	2.800	826	476	
15	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	2.940			
16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	2.310	1.050	399	
17	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	4.550	1.190	595	
18	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	910	357	252	
19	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	2.800	1.050	385	
20	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	2.310	980	476	
21	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	910			
22	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.540			
23	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.310			
24	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	910			
25	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	910			
26	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	910			
27	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	910			
28	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	910			
29	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	910			
30	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	770			
31	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.540			
32	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	1.330	440	259	
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	770			
34	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	1.330			
35	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	490	224	154	
36	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	770			

37	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.310			
38	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.540			
39	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.540			
40	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	910			
41	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	910			
42	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	910			
43	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910			
44	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	910			
45	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	910			
46	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	910			
47	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	910			
48	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	910			
49	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.330			
50	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	910			
51	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910			
52	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910			
53	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	1.330			
54	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910			
55	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.330			
56	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910			
57	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910			
58	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910			
59	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	910			
60	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thành	630	273	160	
61	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	1.330			
62	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330			

63	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330			
64	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.400			
65	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.400			
66	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.330			
67	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	1.120			
68	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1.330			
69	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	1.330			
70	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330			
71	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330			
72	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1.330			
73	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	1.400			
74	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.400			
75	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	770			
76	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	630			
77	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1.330	497	350	
78	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.330	497	350	
79	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.330			
80	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.330			
81	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	1.330	420	294	
82	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.540			
83	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	1.330	420	294	
84	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	2.310			
85	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	1.330			
86	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.330			
87	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	1.540			

88	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1.330			
89	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.750			
90	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	1.330			
91	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	1.330			
92	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.470			
93	Phố Nguyễn Văn Tố	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.120			
94	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	1.120			
95	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1.330			
96	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.330			
97	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	1.330			
98	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.310			
99	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.800			
100	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330			
101	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330	420	252	
102	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	1.400			
103	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	1.330	420	252	
104	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330			
105	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	770			
106	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.330			
107	Phố Trần Quốc Toản	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1.330			
108	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.310			
109	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	1.330			
110	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	1.330	497	350	
111	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.800			
112	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	2.590			

113	Đường D5, D6 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.400			
114	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.400			
115	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.470			
116	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiền	1.120			
117	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	1.120			
118	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.820			
119	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.120			
120	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.120			
121	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.120			
122	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.330			
123	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	1.120			
124	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	910			
125	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.820			
126	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.400			
127	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	1.400			
128	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp công nhà máy chè	490	315	217	
129	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.120			
130	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	1.330			
131	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1.120			
132	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	770	343	252	
133	Đường nhánh tám Ao cá Béc Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	770	350	252	
134	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	910			
135	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	910			
136	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	910			
137	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	770			
138	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	910			

139	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	1.120			
140	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	910			
141	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	910			
142	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	500			
143	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.050	399	266	
144	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	595	287	196	
145	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196	
146	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.960	602	294	
147	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.400			
148	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	2.030			
149	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.330	497	294	
150	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.330			
151	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	770			
152	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	910			
153	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	595	287	196	
154	Đường số 7 (Nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	525	287	196	
155	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	770			
156	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1.820			
157	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	540	287	196	
158	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	540	287	196	
159	Đường đi UBND xã Sùng Phái cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	500	238	168	
160	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	497	286	216	
161	Đường ven hồ lãg	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196	

162	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196	
163	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	910			
164	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	1.190	623	357	
165	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	1.260	693	357	
166	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Ty Phụng			910	580	399	
X.2	Phường Đoàn Kết						
1	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	3.500	980	420	
2	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	3.220	980	420	
3	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.680	532	322	
4	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	770	357	252	
5	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	770	300	196	
6	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	700	315	196	
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	2.520	693	420	
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	2.240	693	357	
9	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	2.240	728	476	
10	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp công trường mầm non Bình Minh	1.330	420	252	
11	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.330	420	196	
12	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.330			
13	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	1.190			
14	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.330	497	273	
15	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	4.830	1.050	462	
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	6.370	1.190	623	
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	4.830	1.050	462	

18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bể Văn Đàn	3.780	798	440	
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bể Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	3.220	798	440	
20	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	490	315	266	
21	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	770	343	252	
22	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	590	287	248	
23	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	497	281	219	
24	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	2.240	693	370	
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	1.960	693	370	
26	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	2.310			
27	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	1.890	728	455	
28	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	2.310	693	427	
29	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	770	343	252	
30	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	1.330	420	252	
31	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	1.330			
32	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	1.330	420	252	
33	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	1.330	420	252	
34	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.120	518	189	
35	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.330			
36	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.540			
37	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.890			
38	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.540			
39	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	1.820	700		
40	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	1.330			
41	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.330			
42	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.330			
43	Phố Nguyễn Thiếp (D5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	1.330			

44	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	1.330			
45	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.400			
46	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.330			
47	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1.120			
48	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	1.120			
49	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bể Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	525	287	196	
50	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thống	910	420	196	
51	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	770	378	266	
52	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	910	525	343	
53	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770			
54	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	770			
55	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770			
56	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.330			
57	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	770			
58	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770			
59	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770			
60	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	770			
61	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	770			
62	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770			
63	Phố Nguyễn Tuấn	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	770			
64	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770			
65	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770			
66	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	840			

67	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lân Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			500	245	196	
68	Đường nhánh bê tông (Bám nương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lân Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	500	245	196	
69	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	770			
70	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	770			
71	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	770			
72	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	770			
73	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	770			
74	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	620	266	154	
75	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	480	220	147	
76	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	500	224	154	
77	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	770			
78	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	770			
79	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	770			

XI. GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT TMDV TẠI ĐÔ THỊ

ĐVT: 1.000/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
XI.1	PHƯỜNG TÂN PHONG						
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.100	750	315	

2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.800	750	315	
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3.950			
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100	375	265	
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.300			
6	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.650	380	265	
7	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	3.250	700	315	
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	2.700	700	300	
9	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	3.250	700	315	
10	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.100			
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	1.300	370	260	
12	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	1.750	520	285	
13	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.000	590	340	
14	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	2.000	590	340	
15	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	2.100			
16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	1.650	750	285	
17	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	3.250	850	425	
18	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	650	255	180	
19	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	2.000	750	275	
20	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	1.650	700	340	
21	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	650			
22	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100			
23	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.650			
24	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	650			
25	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	650			
26	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	650			

27	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	650			
28	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	650			
29	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	650			
30	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	550			
31	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.100			
32	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	950	315	185	
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	550			
34	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	950			
35	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	350	160	110	
36	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	550			
37	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.650			
38	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.100			
39	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.100			
40	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	650			
41	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	650			
42	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	650			
43	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650			
44	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	650			
45	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	650			
46	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	650			
47	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	650			
48	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	650			
49	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	950			
50	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	650			
51	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650			
52	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650			

53	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	950			
54	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650			
55	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	950			
56	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650			
57	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650			
58	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650			
59	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	650			
60	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thành	450	195	115	
61	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	950			
62	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	950			
63	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950			
64	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.000			
65	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.000			
66	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	950			
67	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	800			
68	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	950			
69	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	950			
70	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950			
71	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950			
72	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	950			
73	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	1.000			
74	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.000			
75	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	550			
76	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	450			

77	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	950	355	250	
78	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	950	355	250	
79	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	950			
80	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	950			
81	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	950	300	210	
82	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.100			
83	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	950	300	210	
84	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	1.650			
85	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	950			
86	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	950			
87	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	1.100			
88	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	950			
89	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.250			
90	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	950			
91	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	950			
92	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.050			
93	Phố Nguyễn Văn Tổ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	800			
94	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	800			
95	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	950			
96	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	950			
97	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	950			
98	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.650			
99	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.000			
100	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950			
101	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950	300	180	
102	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	1.000			

103	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	950	300	180	
104	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950			
105	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	550			
106	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	950			
107	Phố Trần Quốc Toản	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	950			
108	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.650			
109	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	950			
110	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	950	355	250	
111	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.000			
112	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	1.850			
113	Đường D5, D6, (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.000			
114	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.000			
115	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.050			
116	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiền	800			
117	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	800			
118	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.300			
119	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	800			
120	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	800			
121	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	800			
122	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	950			
123	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	800			
124	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	650			
125	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.300			
126	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.000			
127	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	1.000			

128	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp cổng nhà máy chè	350	225	155	
129	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	800			
130	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	950			
131	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	800			
132	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	550	245	180	
133	Đường nhánh tám Ao cá Bắc Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	550	250	180	
134	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	650			
135	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	650			
136	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	650			
137	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	550			
138	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	650			
139	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	800			
140	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	650			
141	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	650			
142	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	355			
143	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	750	285	190	
144	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	425	205	140	
145	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140	
146	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.400	430	210	
147	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.000			
148	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	1.450			
149	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	950	355	210	
150	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	950			
151	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	550			
152	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	650			
153	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	425	205	140	

154	Đường số 7 (Nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	375	205	140	
155	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	550			
156	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1.300			
157	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	385	205	140	
158	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	385	205	140	
159	Đường đi UBND xã Sùng Phài cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	355	170	120	
160	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	355	240	160	
161	Đường ven hồ lã	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140	
162	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140	
163	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	650			
164	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	850	445	255	
165	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	900	495	255	
166	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Tỷ Phùng			650	415	285	
XI.2 PHƯỜNG ĐOÀN KẾT							
1	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2.500	700	300	
2	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	2.300	700	300	
3	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.200	380	230	
4	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	550	255	180	
5	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	550	215	140	
6	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	500	225	140	

7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bể Văn Đàn	1.800	495	300	
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	1.600	495	255	
9	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bể Văn Đàn	1.600	520	340	
10	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp công trường mầm non Bình Minh	950	300	180	
11	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bể Văn Đàn	950	300	140	
12	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	950			
13	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	850			
14	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	950	355	195	
15	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	3.450	750	330	
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	4.550	850	445	
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	3.450	750	330	
18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bể Văn Đàn	2.700	570	315	
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bể Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	2.300	570	315	
20	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	350	225	190	
21	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	550	245	180	
22	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	425	205	140	
23	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	355	240	160	
24	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	1.600	495	265	
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	1.400	495	265	
26	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	1.650			
27	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	1.350	520	325	
28	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	1.650	495	305	
29	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	550	245	180	
30	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	950	300	180	
31	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	950			

32	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	950	300	180	
33	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	950	300	180	
34	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	800	370	135	
35	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	950			
36	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.100			
37	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.350			
38	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.100			
39	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	1.300	500		
40	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	950			
41	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	950			
42	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	950			
43	Phố Nguyễn Thiếp (D5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	950			
44	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	950			
45	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.000			
46	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	950			
47	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	800			
48	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	800			
49	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	375	205	140	
50	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thống	650	300	140	
51	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	550	270	190	
52	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	650	375	245	
53	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550			
54	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	550			
55	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550			

56	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	950			
57	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap.	Tiếp giáp đường R12	550			
58	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550			
59	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550			
60	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	550			
61	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	550			
62	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550			
63	Phố Nguyễn Tuân	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	550			
64	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550			
65	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550			
66	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	600			
67	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lán Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			355	175	140	
68	Đường nhánh bê tông (Bám nương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lán Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	355	175	140	
69	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	550			
70	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	550			
71	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	550			
72	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	550			
73	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	550			
74	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	445	190	110	
75	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	345	158	105	

76	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	355	160	110	
77	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	550			
78	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	550			
79	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	550			

XII. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
XII.1	XÃ THAN UYÊN						
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	6.000	1.900	950	
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	4.200	1.500	680	
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	3.700	1.400	570	
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	3.100	1.200	500	
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	2.800	1.100	450	
6	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	1.700	600	330	
7	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	800	370	180	
8	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	900	360	170	
9	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	900	360	170	
10	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	900	360	170	
11	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	800	320	150	
12	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	800	320	150	

13	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	1.300	300	150	
14	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	800	320	150	
15	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	800	320	150	
16	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	500	250	150	
17	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bản Đông	500	250	150	
18	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	2.300	900	420	
19	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	1.100	500	220	
20	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	1.100	500	220	
21	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	1.400	500	280	
22	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	1.100	500	220	
23	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	1.400	500	280	
24	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	900	360	170	
25	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	1.200	500	220	
26	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	900	360	170	
27	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	800	320	150	
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	800	320	150	
29	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	800	320	150	
30	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	800	320	150	
31	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	800	320	150	

32	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trượng	440	230	150	
33	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	500	250	150	
34	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	510	250	150	
35	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	500	250	150	
36	Ngõ 82 Lương Đình Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	510	250	150	
37	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	510	250	150	
38	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	520	250	150	
39	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	510	250	150	
40	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	510	250	150	
41	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	510	250	150	
42	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	720	280	170	
43	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	930	360	170	
44	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	780	370	180	
45	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	510	250	150	
46	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	1.000	400	170	
47	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	780	320	150	
48	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	430	240	150	
49	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	380	190	140	
50	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	380	190	140	
51	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	470	250	160	
52	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	380	190	140	
53	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	380	190	140	
54	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	380	190	140	
55	Ngõ 12 Lương Đình Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	470	250	160	

56	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đối diện cổng Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	470	250	160	
57	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	380	190	140	
58	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	380	190	140	
59	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	380	190	140	
60	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	380	190	140	
61	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	470	250	160	
62	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	470	250	160	
63	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	310	210	140	
64	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	310	210	140	
65	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	380	190	140	
66	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	380	190	140	
67	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	470	250	160	
68	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	380	190	140	
69	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	470	250	160	
70	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	310	210	140	
71	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	380	240	160	
72	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	380	240	160	
73	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	380	240	160	
74	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	310	210	140	
75	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	310	210	140	
76	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	310	210	140	
77	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	310	210	140	
78	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	310	210	140	
79	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	800	610	270	
80	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	470	250	160	

81	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	470	250	160	
82	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	470	250	160	
83	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	380	190	140	
84	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đấu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	310	210	140	
85	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	310	210	140	
86	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	310	210	140	
87	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	310	210	140	
88	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	310	210	140	
89	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	470	250	160	
90	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	310	210	140	
91	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	310	210	140	
92	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	1.000	400	170	
93	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	380	190	140	
94	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	380	190	140	
95	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	780	320	150	
Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ							
96	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chừ	1.900	720	280	
97	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chừ	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	1.300	510	200	
98	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	640	340	150	
99	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	640	360	150	
100	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	640	360	150	
Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ							
101	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	1.100	550	300	

102	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	620	360	150	
XII.2	XÃ MUỜNG THAN						
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ						
1	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	1.100	550	300	
2	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	1.100	550	300	
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	620	360	150	
XII.3	XÃ MUỜNG KIM						
3.1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	850	460	270	
3.2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	450	190	130	
3.3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	790	440	260	
3.4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	410	190	120	
3.5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	410	180	120	
XII.4	XÃ TÂN UYÊN						
4.1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nội	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	4.200	2.300	1.900	
4.2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	2.900	1.800	1.400	
4.3	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nội	Hết ranh giới đất Đội thuế	3.100	1.800	1.400	
4.4	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	2.900	1.800	1.400	
4.5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	1.100	600	500	
4.6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (cổng sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.100	600	500	
4.7	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	1.100	600	500	
4.8	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.100	600	500	
4.9	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	860	570	350	
4.10	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	940	620	370	
4.11	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1.500	700	500	

4.12	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	860	570	350	
4.13	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	410	270	220	
4.14	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huỗi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	940	560	350	
4.15	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huỗi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	940	560	350	
4.16	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huỗi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	940	560	350	
4.17	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	690	440	290	
4.18	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	650	420	280	
4.19	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huỗi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	1.100	600	500	
4.20	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	540	420	260	
4.21	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	450	300	230	
4.22	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	450	300	230	
4.23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	450	300	230	
4.24	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	2.000			
4.25	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	2.000			
4.26	Phố Lương Đình Cửa	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	460	240	190	
4.27	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	1.300			
4.28	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	1.300			
4.29	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viên thông	1.300			
4.30	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	1.300			
4.31	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1.000			

4.32	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1.000			
4.33	Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	1.000			
4.34	Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	1.000			
4.35	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	1.060	620	460	
4.36	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	930	560	530	
4.37	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			670	370	290	
XII.5	XÃ BÌNH LƯ						
5.1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	2.800	540	350	
5.2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	2.900	640	340	
5.3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	2.100	450	260	
5.4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	940	260	160	
5.5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	940	260	160	
5.6	Đường Tác Tình	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	1.000	260	160	
5.7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	3.600	640	350	
5.8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	1.400	340	250	
5.9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	2.300	620	270	
5.10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	3.300	640	290	
5.11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	3.300	640	290	
5.12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	3.100	640	290	
5.13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	890			Bỏ VT2, VT3
5.14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	930			
5.15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	930			
5.16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	1.000	270	160	

5.17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1.500			
5.18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800			
5.19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800			
5.20	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1.500			
5.21	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.700			
5.22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500			
5.23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.700	370	190	
5.24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500			
5.25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.400	340	190	
5.26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	1.400			
5.27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.200			
5.28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	630			
5.29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	590			
5.30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	1.400			
5.31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	2.600	620	330	
5.32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	1.400			
5.33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	1.400			Bỏ VT2, VT3
5.34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800			
5.35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500			
5.36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	2.600			
5.37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2.900			
5.38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2.900			
5.39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tố Hữu	630	240	160	
5.40	Phố Tố Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	630	240	160	
5.41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270	
5.42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bé Văn Đàn	300	250	220	
5.43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270	

5.44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220	
5.45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270	
5.46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220	
5.47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	350			
5.48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	650			
5.49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	830			
5.50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	420	180	140	
XII.6	XÃ KHUN HÁ						
6.1	Tuyến đường Tam Đường - Bản Hôn - Bình Lư	Ngã ba đi vào trung tâm xã Bản Giang cũ (phường Tân Phong)	Tiếp giáp địa phận xã Bản Hôn cũ (xã Khun Há)	380	113	97	
XII.7	XÃ BẢN BO						
7.1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hung Phong	350	102	65	
XII.8	XÃ SÌN HỒ						
8.1	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1.600	890	340	
8.2	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1.600	890	340	
8.3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	1.230	540	280	
8.4	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	640	340	180	
8.5	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn cũ)	470	250	150	
8.6	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	1.230	540	280	
8.7	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	910	450	280	
8.8	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1.600	890	340	
8.9	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	910	450	280	
8.10	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	910	450	280	
8.11	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	470	280	160	
8.12	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	700	360	190	
8.13	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	640	340	180	

8.14	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	1.800	1.200	620	
8.15	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1.700	930	600	
8.16	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	1.600	810	500	
8.17	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	640	340	180	
8.18	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	380	190	140	
8.19	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	360	190	130	
8.20	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	360	190	130	
8.21	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	360	190	130	
8.22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	560	270	160	
8.23	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khính	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	380	190	140	
8.24	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	380	190	140	
8.25	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sìn Hồ Vây	380	190	140	
8.26	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	1.210	730	370	
8.27	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	340	160	130	
8.28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tẩy	340	160	130	
XII.9	XÃ PHONG THỔ						
9.1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	3.200			
9.2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	790	490	300	
9.3	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	1.300	580	300	
9.4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	2.200			
9.5	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	2.500			
9.6	Phố Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.900			

9.7	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.900			
9.8	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.900			
9.9	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.900			
9.10	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.500			
9.11	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.900			
9.12	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.900			
9.13	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.500			
9.14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800			
9.15	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800			
9.16	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	1.200			
XII.10	XÃ NẬM HÀNG						
10.1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	890	710	410	
10.2	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	1.400	1.200	700	
10.3	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	430	280	190	
10.4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	520	360	230	
10.5	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	840	640	460	
10.6	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghi Phụng Huyền	840	640	460	
10.7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	840	640	460	
10.8	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	740	590	340	
10.9	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	400	270	220	
10.10	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	400	270	220	
10.11	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	280	190	150	
10.12	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	270	170	150	
10.13	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cày	350	230	170	
10.14	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	260	200	140	
10.15	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cày)	350	260	180	

10.16	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Mạnh	350	230	170	
10.17	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Mạnh cũ	270	170	150	
10.18	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	400	270	180	
10.19	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	400	270	180	
XII.11	XÃ BUM TỎ						
11.1	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	1.358	710	487	
11.2	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	1.065	622	532	
11.3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	1.065	622	532	
11.4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa cũ	887	566	509	
11.5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	1.234	674	509	
11.6	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	1.234	674	509	
11.7	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	1.234	674	509	
11.8	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	1.234	674	509	
11.9	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	1.234	674	509	
11.10	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	1.234	674	509	
11.11	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	1.234	674	509	
11.12	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	887	566	486	
11.13	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đến bờ kè tam cấp	887	566	486	
11.14	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	1.124	622	486	
11.15	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	887	566	486	
11.16	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	887	566	486	
11.17	Đường nội thị	Tiếp giáp công trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim	946	611	475	
11.18	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	887	566	486	
11.19	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	887	566	486	
11.20	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	887	566	486	
11.21	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	887	566	486	

11.22	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	887	566	486	
11.23	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	887	566	486	
11.24	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	887	566	486	
11.25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	946	611	475	
11.26	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	887	566	486	
11.27	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	679			
11.28	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	679			
11.29	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	679			
11.30	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	1.358	710	543	
11.31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	679	486	389	
11.32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn)	1.234	674	532	
11.33	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	1.872			Bỏ VT2, VT3 Khu vực 1
11.34	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	1.358	710	622	
11.35	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	887	566	486	
11.36	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	1.672	828	622	
11.37	Phố Cù Chính Lan	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	1.672	828	622	
11.38	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.543	769	588	
11.39	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.872	913	651	
11.40	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	1.234	674	509	

XIII. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

DVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
XIII.1	XÃ THAN UYÊN						

1.1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	4.200	1.330	665	
1.2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	2.940	1.050	476	
1.3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	2.590	980	399	
1.4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	2.170	840	350	
1.5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	1.960	770	315	
1.6	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	1.190	420	230	
1.7	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	560	260	126	
1.8	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	630	252	120	
1.9	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	630	252	120	
1.10	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	630	252	120	
1.11	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	560	224	105	
1.12	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	560	224	105	
1.13	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	910	210	105	
1.14	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	560	224	105	
1.15	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	560	224	105	
1.16	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	350	175	105	
1.17	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bản Đông	350	175	105	
1.18	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	1.610	630	294	
1.19	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	770	350	154	

1.20	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	770	350	154	
1.21	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	980	350	196	
1.22	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	770	350	154	
1.23	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	980	350	196	
1.24	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	630	252	120	
1.25	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	840	350	154	
1.26	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	630	252	120	
1.27	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	560	224	105	
1.28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	560	224	105	
1.29	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	560	224	105	
1.30	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	560	224	105	
1.31	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	560	224	105	
1.32	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trọng	308	160	105	
1.33	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	350	175	105	
1.34	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	350	175	105	
1.35	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	350	175	105	
1.36	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	357	175	105	
1.37	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	357	175	105	
1.38	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	364	175	105	
1.39	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	357	175	105	
1.40	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	357	175	105	

1.41	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	357	175	105	
1.42	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	504	196	120	
1.43	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	650	252	120	
1.44	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	546	260	126	
1.45	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	357	175	105	
1.46	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	700	280	120	
1.47	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	546	224	105	
1.48	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	300	168	105	
1.49	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	266	133	98	
1.50	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	266	133	98	
1.51	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	330	175	112	
1.52	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	266	133	98	
1.53	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	266	133	98	
1.54	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	266	133	98	
1.55	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	330	175	112	
1.56	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đổi diện công Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	330	175	112	
1.57	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	266	133	98	
1.58	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	266	133	98	
1.59	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	266	133	98	
1.60	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	266	133	98	
1.61	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	330	175	112	
1.62	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	330	175	112	
1.63	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	217	147	98	
1.64	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	217	147	98	
1.65	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	266	133	98	
1.66	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	266	133	98	

1.67	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	330	175	112	
1.68	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	266	133	98	
1.69	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	330	175	112	
1.70	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	217	147	98	
1.71	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	266	168	112	
1.72	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	266	168	112	
1.73	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	266	168	112	
1.74	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	217	147	98	
1.75	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	217	147	98	
1.76	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	217	147	98	
1.77	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	217	147	98	
1.78	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	217	147	98	
1.79	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	560	430	189	
1.80	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	330	175	112	
1.81	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	330	175	112	
1.82	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	330	175	112	
1.83	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	266	133	98	
1.84	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đấu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	217	147	98	
1.85	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	217	147	98	
1.86	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	217	147	98	
1.87	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	217	147	98	
1.88	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	217	147	98	
1.89	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	330	175	112	
1.90	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	217	147	98	
1.91	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	217	147	98	

1.92	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	700	280	120	
1.93	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	266	133	98	
1.94	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	266	133	98	
1.95	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	546	224	105	
Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ							
1.96	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chứ	1.330	504	196	
1.97	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chứ	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	910	357	140	
1.98	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	450	238	105	
1.99	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	450	252	105	
1.100	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	450	252	105	
Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ							
1.101	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	770	385	210	
1.102	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	434	252	105	
XIII.2 XÃ MUỜNG THAN							
Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ							
2.1	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	770	385	210	
2.2	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	770	385	210	
2.3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	434	252	105	
XIII.3 XÃ MUỜNG KIM							
3.1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	595	320	189	
3.2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	315	133	90	
3.3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	550	310	182	
3.4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	287	133	84	
3.5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	287	126	84	
XIII.4 XÃ TÂN UYÊN							
4.1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.940	1.610	1.330	

4.2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết công Tổ 3	2.030	1.260	980	
4.3	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nội	Hết ranh giới đất Đội thuế	2.170	1.260	980	
4.4	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	2.030	1.260	980	
4.5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp công Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	770	420	350	
4.6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	770	420	350	
4.7	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	770	420	350	
4.8	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	770	420	350	
4.9	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	600	400	245	
4.10	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	660	434	259	
4.11	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1.050	490	350	
4.12	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	600	400	245	
4.13	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	287	190	154	
4.14	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	660	390	245	
4.15	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	660	390	245	
4.16	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	660	390	245	
4.17	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	480	310	203	
4.18	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	455	294	196	
4.19	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	770	420	350	
4.20	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	380	294	182	

4.21	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	315	210	160	
4.22	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	315	210	160	
4.23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	315	210	160	
4.24	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.400			
4.25	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1.400			
4.26	Phố Lương Đình Cửa	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	320	168	133	
4.27	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	910			
4.28	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	910			
4.29	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyên)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	910			
4.30	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	910			
4.31	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	700			
4.32	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	700			
4.33	Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	700			
4.34	Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	700			
4.35	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	740	430	330	
4.36	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	650	390	370	
4.37	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			470	260	203	
XIII.5	XÃ BÌNH LŨ						
5.1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Cửa	1.960	380	245	
5.2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Cửa	Tiếp giáp đường 21/9	2.030	450	238	
5.3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	1.470	315	182	

5.4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	660	182	112	
5.5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	660	182	112	
5.6	Đường Tác Tĩnh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	700	182	112	
5.7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	2.520	450	245	
5.8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	980	238	175	
5.9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.610	434	189	
5.10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	2.310	450	203	
5.11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	2.310	450	203	
5.12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	2.170	450	203	
5.13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	620			
5.14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	650			
5.15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	650			
5.16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tĩnh	720	190	120	
5.17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1.050			
5.18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260			
5.19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260			
5.20	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1.050			
5.21	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.190			
5.22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050			
5.23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.190	260	133	
5.24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050			
5.25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	980	238	133	
5.26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	980			
5.27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	840			
5.28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	440			
5.29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	413			
5.30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	980			

5.31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1.820	434	230	
5.32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	980			
5.33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	980			Bỏ VT2, VT3 Khu vực 1
5.34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260			
5.35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050			
5.36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1.820			
5.37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2.030			
5.38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2.030			
5.39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tổ Hữu	440	168	112	
5.40	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	440	168	112	
5.41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189	
5.42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bé Văn Đàn	210	175	154	
5.43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189	
5.44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bé Văn Đàn	210	175	154	
5.45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189	
5.46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bé Văn Đàn	210	175	154	
5.47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bé Văn Đàn	245			
5.48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	455			
5.49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	580			
5.50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	294	126	98	
XIII.6	XÃ KHUN HÁ						
6.1	Tuyến đường Tam Đường - Bản Hôn - Bình Lư	Ngã ba đi vào trung tâm xã Bản Giang cũ (phường Tân Phong)	Tiếp giáp địa phận xã Bản Hôn cũ (xã Khun Há)	266	79	68	
XIII.7	XÃ BẢN BO						
7.1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hưng Phong	245	70	46	
XIII.8	XÃ SÌN HỒ						
8.1	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1.120	620	238	
8.2	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1.120	620	238	
8.3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	860	380	196	

8.4	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTDTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	450	238	126	
8.5	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn cũ)	329	170	118	
8.6	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	860	380	196	
8.7	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	640	315	196	
8.8	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1.120	620	238	
8.9	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	640	315	196	
8.10	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	640	315	196	
8.11	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	330	196	112	
8.12	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	490	252	133	
8.13	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	450	238	126	
8.14	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	1.260	840	434	
8.15	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1.190	650	420	
8.16	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	1.120	570	350	
8.17	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	450	238	126	
8.18	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	266	133	98	
8.19	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	252	133	90	
8.20	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	252	133	90	
8.21	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	252	133	90	
8.22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	390	190	112	
8.23	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khính	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	266	133	98	
8.24	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	266	133	98	
8.25	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sìn Hồ Vây	266	133	98	

8.26	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	850	510	259	
8.27	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	238	112	90	
8.28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tẩy	238	112	90	
XIII.9	XÃ PHONG THỔ						
9.1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	2.240			
9.2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	550	340	230	
9.3	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	910	406	210	
9.4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1.540			
9.5	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1.750			
9.6	Phố Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.330			
9.7	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.330			
9.8	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.330			
9.9	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.330			
9.10	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.050			
9.11	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.330			
9.12	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.330			
9.13	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.050			
9.14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.260			
9.15	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.260			
9.16	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	840			
XIII.10	XÃ NẠM HÀNG						
10.1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	620	500	287	
10.2	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	980	840	490	
10.3	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	300	196	133	
10.4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	364	252	160	
10.5	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	590	450	322	

10.6	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghi Phụng Huyện	590	450	322	
10.7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	590	450	322	
10.8	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	520	413	238	
10.9	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	280	190	154	
10.10	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	280	190	154	
10.11	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	196	133	105	
10.12	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	190	119	105	
10.13	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	245	160	120	
10.14	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	182	140	98	
10.15	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cây)	245	182	126	
10.16	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	245	160	120	
10.17	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh cũ	190	119	105	
10.18	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	280	190	126	
10.19	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	280	190	126	
XIII.11 XÃ BUM TỎ							
11.1	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	950	500	340	
11.2	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	750	435	372	
11.3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	750	435	372	
11.4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa cũ	620	396	356	
11.5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	860	470	356	
11.6	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	860	470	356	
11.7	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	860	470	356	
11.8	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	860	470	356	
11.9	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	860	470	356	

11.10	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	860	470	356	
11.11	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	860	470	356	
11.12	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	620	396	340	
11.13	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đến bờ kè tam cấp	620	396	340	
11.14	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	790	435	340	
11.15	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	620	396	340	
11.16	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	620	396	340	
11.17	Đường nội thị	Tiếp giáp công trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim	660	430	333	
11.18	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	620	396	340	
11.19	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	620	396	340	
11.20	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	620	396	340	
11.21	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	620	396	340	
11.22	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	620	396	340	
11.23	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	620	396	340	
11.24	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	620	396	340	
11.25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	660	430	333	
11.26	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	620	396	340	
11.27	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	475			
11.28	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	475			
11.29	Đường Nậm Bùn	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	475			
11.30	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	950	500	380	
11.31	Đường Nậm Bùn	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	475	340	272	
11.32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12)	Đường Nậm Bùn (VT trường mầm non thị trấn)	860	470	372	
11.33	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	1.310			

11.34	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	950	500	435	
11.35	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	620	396	340	
11.36	Phố Nguyễn Thị Mình Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bùn	1.170	580	435	
11.37	Phố Cù Chính Lan	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bùn	1.170	580	435	
11.38	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.080	540	412	
11.39	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.310	640	456	
11.40	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	860	470	356	

XIV. ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT TMDV TẠI NÔNG THÔN

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến				
		VT1	VT2	VT3			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
XIV.1	XÃ THAN UYÊN						
1.1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	3.000	950	475	
1.2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	2.100	750	340	
1.3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã(Số nhà 402)	1.850	700	285	
1.4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	1.550	600	250	
1.5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	1.400	550	225	
1.6	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	850	300	165	
1.7	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	400	185	95	
1.8	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	450	180	85	
1.9	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	450	180	85	
1.10	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	450	180	85	

1.11	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	400	160	75	
1.12	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	400	160	75	
1.13	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	650	150	75	
1.14	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	400	160	75	
1.15	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	400	160	75	
1.16	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	250	125	75	
1.17	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bản Đông	250	125	75	
1.18	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	1.150	450	210	
1.19	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	550	250	110	
1.20	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	550	250	110	
1.21	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	700	250	140	
1.22	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	550	250	110	
1.23	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	700	250	140	
1.24	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	450	180	85	
1.25	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	600	250	110	
1.26	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	450	180	85	
1.27	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	400	160	75	
1.28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	400	160	75	
1.29	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	400	160	75	
1.30	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	400	160	75	

1.31	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	400	160	75	
1.32	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trượng	220	115	75	
1.33	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	250	125	75	
1.34	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	250	125	75	
1.35	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	250	125	75	
1.36	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	255	125	75	
1.37	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	255	125	75	
1.38	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	260	125	75	
1.39	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	255	125	75	
1.40	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	255	125	75	
1.41	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	255	125	75	
1.42	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	360	140	85	
1.43	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	465	180	85	
1.44	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	390	185	95	
1.45	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	255	125	75	
1.46	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	500	200	85	
1.47	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	390	160	75	
1.48	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	215	120	75	
1.49	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	190	95	75	
1.50	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	190	95	75	
1.51	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	235	125	85	
1.52	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	190	95	75	
1.53	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	190	95	75	

1.54	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	190	95	75	
1.55	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	235	125	85	
1.56	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đổi diện công Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	235	125	85	
1.57	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	190	95	75	
1.58	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	190	95	75	
1.59	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	190	95	75	
1.60	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	190	95	75	
1.61	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	235	125	85	
1.62	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	235	125	85	
1.63	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	155	105	75	
1.64	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	155	105	75	
1.65	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	190	95	75	
1.66	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	190	95	75	
1.67	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	235	125	85	
1.68	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	190	95	75	
1.69	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	235	125	85	
1.70	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	155	105	75	
1.71	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	190	120	85	
1.72	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	190	120	85	
1.73	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	190	120	85	
1.74	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	155	105	75	
1.75	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	155	105	75	
1.76	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	155	105	75	
1.77	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	155	105	75	
1.78	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	155	105	75	
1.79	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	400	305	135	

1.80	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	235	125	85	
1.81	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	235	125	85	
1.82	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	235	125	85	
1.83	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	190	95	75	
1.84	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đấu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	155	105	75	
1.85	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	155	105	75	
1.86	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	155	105	75	
1.87	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	155	105	75	
1.88	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	155	105	75	
1.89	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	235	125	85	
1.90	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	155	105	75	
1.91	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	155	105	75	
1.92	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	500	200	85	
1.93	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	190	95	75	
1.94	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	190	95	75	
1.95	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	390	160	75	
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ						
1.96	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chừ	950	360	140	
1.97	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chừ	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	650	255	100	
1.98	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	320	170	75	
1.99	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	320	180	75	
1.100	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	320	180	75	
	Đường quốc lộ đi qua xã mường than cũ						

1.101	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	550	275	150	
1.102	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	310	180	75	
XIV.2	XÃ MUỜNG THAN						
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ						
2.1	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	550	275	150	
2.2	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	550	275	150	
2.3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	310	180	75	
XIV.3	XÃ MUỜNG KIM						
3.1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	425	230	135	
3.2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	225	95	65	
3.3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	395	220	130	
3.4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	205	95	65	
3.5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	205	90	65	
XIV.4	XÃ TÂN UYÊN						
4.1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nội	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.100	1.150	950	
4.2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	1.450	900	700	
4.3	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nội	Hết ranh giới đất Đội thuế	1.550	900	700	
4.4	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	1.450	900	700	
4.5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	550	300	250	
4.6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	550	300	250	
4.7	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	550	300	250	
4.8	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	550	300	250	
4.9	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	430	285	175	
4.10	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	470	310	185	

4.11	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	750	350	250	
4.12	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	430	285	175	
4.13	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	205	135	110	
4.14	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huỗi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	470	280	175	
4.15	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huỗi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	470	280	175	
4.16	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huỗi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	470	280	175	
4.17	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	345	220	145	
4.18	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	325	210	150	
4.19	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huỗi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	550	300	250	
4.20	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	270	210	130	
4.21	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hô Be	225	150	115	
4.22	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	225	150	115	
4.23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	225	150	115	
4.24	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.000			
4.25	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1.000			
4.26	Phố Lương Đình Cửa	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	236	125	95	
4.27	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	650			
4.28	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	650			
4.29	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyên)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	650			
4.30	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	650			
4.31	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	500			

4.32	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	500			
4.33	Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	500			
4.34	Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	500			
4.35	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	530	310	230	
4.36	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	465	280	265	
4.37	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			335	185	145	
XIV.5	XÃ BÌNH LŨ						
5.1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1.400	270	175	
5.2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	1.450	320	170	
5.3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	1.050	225	130	
5.4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	470	130	85	
5.5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	470	130	85	
5.6	Đường Tác Tình	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	500	130	85	
5.7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	1.800	320	175	
5.8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	700	170	125	
5.9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.150	310	135	
5.10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	1.650	320	145	
5.11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	1.650	320	145	
5.12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	1.550	320	145	
5.13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	445			
5.14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	465			
5.15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	465			
5.16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	520	140	86	

5.17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	750			
5.18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	900			
5.19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	900			
5.20	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	750			
5.21	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	850			
5.22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750			
5.23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	850	185	95	
5.24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750			
5.25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	700	170	95	
5.26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	700			
5.27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	600			
5.28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	315			
5.29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	295			
5.30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	700			
5.31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1.300	310	165	
5.32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	700			
5.33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	700			Bỏ VT2, VT3 Khu vực 1
5.34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	900			
5.35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750			
5.36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1.300			
5.37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	1.450			
5.38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	1.450			
5.39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tố Hữu	315	120	85	
5.40	Phố Tố Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	315	120	85	
5.41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135	
5.42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bé Văn Đàn	150	125	110	
5.43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135	

5.44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110	
5.45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135	
5.46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110	
5.47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	175			
5.48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	325			
5.49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	415			
5.50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	210	90	75	
XIV.6	XÃ KHUN HẢ						
6.1	Tuyến đường Tam Đường - Bản Hôn - Bình Lư	Ngã ba đi vào trung tâm xã Bản Giang cũ (phường Tân Phong)	Tiếp giáp địa phận xã Bản Hôn cũ (xã Khun Hả)	196	57	54	
XIV.7	XÃ BẢN BO						
7.1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hung Phong	175	57	33	
XIV.8	XÃ SÌN HỒ						
8.1	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	800	445	170	
8.2	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	800	445	170	
8.3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	620	270	140	
8.4	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTDTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	320	170	100	
8.5	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn cũ)	235	125	75	
8.6	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	620	270	140	
8.7	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	455	225	140	
8.8	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	800	445	170	
8.9	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	455	225	140	
8.10	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	455	225	140	
8.11	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	235	140	85	
8.12	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	350	180	95	
8.13	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	320	170	95	

8.14	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	900	600	310	
8.15	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	850	465	300	
8.16	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	800	405	250	
8.17	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	320	170	95	
8.18	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	190	95	75	
8.19	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	180	95	65	
8.20	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	180	95	65	
8.21	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	180	95	65	
8.22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	280	135	85	
8.23	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khính	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	190	95	75	
8.24	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	190	95	75	
8.25	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sìn Hồ Vây	190	95	75	
8.26	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	610	365	185	
8.27	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	170	80	65	
8.28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tẩy	170	80	65	
XIV.9	XÃ PHONG THỔ						
9.1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	1.600			
9.2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	395	245	150	
9.3	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	650	290	150	
9.4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1.100			
9.5	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1.250			
9.6	Phố Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	950			

9.7	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	950			
9.8	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	950			
9.9	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	950			
9.10	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	750			
9.11	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	950			
9.12	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	950			
9.13	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	750			
9.14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	900			
9.15	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	900			
9.16	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	600			
XIV.10 XÃ NẬM HÀNG							
10.1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	445	355	205	
10.2	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	700	600	350	
10.3	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	215	140	95	
10.4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	260	180	115	
10.5	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	420	320	230	
10.6	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phụng Huyền	420	320	230	
10.7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	420	320	230	
10.8	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	370	295	170	
10.9	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	200	135	110	
10.10	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	200	135	110	
10.11	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	140	95	75	
10.12	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	135	85	75	
10.13	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cày	175	115	85	
10.14	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	130	100	75	
10.15	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cày)	175	130	95	

10.16	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	175	115	85	
10.17	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh cũ	135	85	75	
10.18	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	200	135	95	
10.19	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	200	135	95	
XIV.11 XÃ BUM TỎ							
11.1	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	680	355	244	
11.2	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	530	310	266	
11.3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	530	310	266	
11.4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa cũ	590	328	260	
11.5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	620	340	255	
11.6	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	620	340	255	
11.7	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	620	340	255	
11.8	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	620	340	255	
11.9	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	620	340	255	
11.10	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	620	340	255	
11.11	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	620	340	255	
11.12	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	440	283	243	
11.13	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đến bờ kè tam cấp	440	283	243	
11.14	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	560	310	243	
11.15	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	440	283	243	
11.16	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	440	283	243	
11.17	Đường nội thị	Tiếp giáp công trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim	470	306	238	
11.18	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	440	283	243	
11.19	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	440	283	243	
11.20	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	440	283	243	
11.21	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	440	283	243	

11.22	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	440	283	243	
11.23	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	440	283	243	
11.24	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	440	283	243	
11.25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	470	306	238	
11.26	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	440	283	243	
11.27	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	340			
11.28	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	340			
11.29	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	340			
11.30	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	680	355	270	
11.31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	340	243	195	
11.32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn)	620	340	266	
11.33	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	940			
11.34	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	680	355	310	
11.35	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	440	283	243	
11.36	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	840	410	310	
11.37	Phố Cù Chính Lan	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	840	410	310	
11.38	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	770	385	294	
11.39	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	940	460	326	
11.40	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	620	340	255	

XV. ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

DVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất					
		Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
XVI.1	Phường Tân Phong	2.000	620	300			
XVI.2	Phường Đoàn Kết	2.300	450	250			
XVI.3	Xã Than Uyên	1.600	520	280			
XVI.4	Xã Mường Than	550	280	150	220	130	70

XVI.5	Xã Mường Kim	430	230	140	130	70	53
XVI.6	Xã Khoen On	260	180	120	130	65	54
XVI.7	Xã Tân Uyên	1.100	610	510	120	76	58
XVI.8	Xã Mường Khoa	300	210	140	160	95	75
XVI.9	Xã Nậm Sỏ (gồm: xã Nậm Sỏ cũ, Tà Mít cũ)	70	56	43	55	43	33
XVI.10	Xã Pắc Ta	260	160	120	150	95	65
XVI.11	Xã Bình Lư	940	190	100	93	61	42
XVI.12	Xã Khun Há	196	57	54	55	42	42
XVI.13	Xã Tả Lèng	120	55	33	55	42	42
XVI.14	Xã Bản Bo	180	59	34	57	43	43
XVI.15	Xã Pa Tàn	190	80	56	65	43	33
XVI.16	Xã Nậm Tăm	190	80	56	65	43	33
XVI.17	Xã Sìn Hồ	490	330	170	53	32	32
XVI.18	Xã Tủa Sín Chải	96	55	33	54	32	32
XVI.19	Xã Pu Sam Cáp	96	55	33	54	32	32
XVI.20	Xã Hồng Thu (gồm: xã Hồng Thu cũ, xã Phìn Hồ cũ, xã Ma Quai cũ)	96	55	33	54	32	32
XVI.21	Xã Nậm Mạ (gồm: xã Cấn Co cũ, xã Nậm Mạ cũ)	96	55	33	54	32	32
XVI.22	xã Nậm Cuối	96	55	33	54	32	32
XVI.23	Xã Phong Thổ	830	420	240	130	84	48
XVI.24	Xã Sìn Suối Hồ	190	100	65	116	74	42
XVI.25	Xã Đào San	200	100	65	120	74	43
XVI.26	Xã Sì Lở Lầu (gồm: xã Vàng Ma Chải cũ, xã Sì Lở Lầu cũ, xã Mỏ Sì San cũ, xã Pa Vây Sừ cũ)	160	85	55	75	55	43
XVI.27	Xã Khổng Lào (gồm: xã Khổng Lào cũ, xã Hoang Thèn cũ, xã Bản Lang cũ)	250	130	80	120	85	56
XVI.28	Xã Nậm Hàng	380	320	190	48	32	32

XVI.29	Xã Mường Mô	86	59	45	54	32	32
XVI.30	Xã Hua Bum	71	46	32	43	32	32
XVI.31	Xã Lê Lợi	190	79	54	65	43	33
XVI.32	Xã Bum Nưa	170	120	79	110	65	65
XVI.33	xã Bum Tở	510	250	180	49	32	32
XVI.34	Xã Mường Tè	85	60	44	55	32	32
XVI.35	Xã Thu Lũm (gồm: xã Ka Lăng cũ, Thu Lũm cũ)	71	46	33	43	32	32
XVI.36	Xã Pa Ủ (gồm: xã Pa Ủ cũ, xã Tá Bạ cũ)	60	42	32	43	24	24
XVI.37	Xã Tà Tổng	57	43	32	43	22	22
XVI.38	Xã Mù Cả	57	43	32	43	22	22

I. BẢNG GIÁ ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	41	37	35
2	Phường Đoàn Kết	41	37	35
3	Xã Mường Kim	43	39	38
4	Xã Khoen On	41	38	36
5	Xã Than Uyên	43	39	38
6	Xã Mường Than	43	39	38
7	Xã Pắc Ta	40	37	35
8	Xã Nậm Sỏ	37	35	31
9	Xã Tân Uyên	42	38	36
10	Xã Mường Khoa	42	38	36
11	Xã Bản Bo	40	37	35
12	Xã Bình Lư	42	38	36
13	Xã Tả Lèng	40	37	35
14	Xã Khun Há	37	35	31
15	Xã Tủa Sín Chải	36	31	29
16	Xã Sìn Hồ	40	37	31
17	Xã Hồng Thu	36	31	29
18	Xã Nậm Tăm	38	36	30
19	Xã Pu Sam Cáp	36	31	29
20	Xã Nậm Cuối	36	31	29
21	Xã Nậm Mạ	36	31	29
22	Xã Pa Tần	38	36	30
23	Xã Sin Suối Hồ	40	37	35
24	Xã Phong Thổ	40	37	35
25	Xã Đào San	37	35	31
26	Xã Sì Lở Lầu	37	35	31
27	Xã Khổng Lào	42	38	36
28	Xã Lê Lợi	40	37	31
29	Xã Nậm Hàng	40	37	31
30	Xã Mường Mô	40	37	31
31	Xã Hua Bum	38	36	30
32	Xã Bum Nưa	40	37	31
33	Xã Bum Tở	40	37	31
34	Xã Mường Tè	40	37	31
35	Xã Thu Lũm	38	36	30
36	Xã Pa Ủ	36	31	29
37	Xã Tả Tổng	36	31	29
38	Xã Mù Cả	36	31	29

II. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA CÒN LẠI

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	40	36	30
2	Phường Đoàn Kết	40	36	30
3	Xã Mường Kim	40	36	30
4	Xã Khoen On	38	33	28
5	Xã Than Uyên	40	36	30
6	Xã Mường Than	40	36	30
7	Xã Pắc Ta	38	33	28
8	Xã Nậm Sỏ	33	31	26
9	Xã Tân Uyên	40	36	30
10	Xã Mường Khoa	40	36	30
11	Xã Bản Bo	38	33	28
12	Xã Bình Lư	40	36	30
13	Xã Tả Lèng	38	33	28
14	Xã Khun Há	33	31	26
15	Xã Tủa Sín Chải	31	29	24
16	Xã Sìn Hồ	38	33	28
17	Xã Hồng Thu	31	29	24
18	Xã Nậm Tăm	33	31	26
19	Xã Pu Sam Cáp	31	29	24
20	Xã Nậm Cuối	31	29	24
21	Xã Nậm Mạ	31	29	24
22	Xã Pa Tần	33	31	26
23	Xã Sin Suối Hồ	38	33	28
24	Xã Phong Thổ	40	36	30
25	Xã Đào San	33	31	26
26	Xã Sì Lở Lầu	33	31	26
27	Xã Khổng Lào	40	36	30
28	Xã Lê Lợi	38	33	28
29	Xã Nậm Hàng	38	33	28
30	Xã Mường Mô	38	33	28
31	Xã Hua Bum	33	31	26
32	Xã Bum Nưa	38	33	28
33	Xã Bum Tở	38	33	28
34	Xã Mường Tè	38	33	28
35	Xã Thu Lũm	33	31	26
36	Xã Pa Ủ	31	29	24
37	Xã Tả Tổng	31	29	24
38	Xã Mù Cả	31	29	24

III. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	38	32	27
2	Phường Đoàn Kết	38	32	29
3	Xã Mường Kim	39	35	29
4	Xã Khoen On	36	31	27
5	Xã Than Uyên	39	35	29
6	Xã Mường Than	39	35	29
7	Xã Pắc Ta	36	31	27
8	Xã Nậm Sỏ	31	27	25
9	Xã Tân Uyên	38	32	29
10	Xã Mường Khoa	38	32	29
11	Xã Bản Bo	36	31	27
12	Xã Bình Lư	38	32	29
13	Xã Tả Lèng	36	31	27
14	Xã Khun Há	32	30	25
15	Xã Tủa Sín Chải	30	27	22
16	Xã Sìn Hồ	36	32	26
17	Xã Hồng Thu	30	27	22
18	Xã Nậm Tăm	33	29	25
19	Xã Pu Sam Cáp	30	27	22
20	Xã Nậm Cuối	30	27	22
21	Xã Nậm Mạ	30	27	22
22	Xã Pa Tần	33	29	25
23	Xã Sìn Suối Hồ	36	31	27
24	Xã Phong Thổ	38	32	29
25	Xã Đào San	31	27	25
26	Xã Sì Lở Lầu	31	27	25
27	Xã Khổng Lào	38	32	29
28	Xã Lê Lợi	36	32	26
29	Xã Nậm Hàng	36	32	26
30	Xã Mường Mô	36	32	26
31	Xã Hua Bùm	33	29	25
32	Xã Bùm Nưa	36	32	26
33	Xã Bùm Tở	36	32	26
34	Xã Mường Tè	36	32	26
35	Xã Thu Lũm	33	29	25
36	Xã Pa Ủ	30	27	22
37	Xã Tả Tổng	30	27	22
38	Xã Mù Cả	30	27	22

IV. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	40	36	30
2	Phường Đoàn Kết	40	36	30
3	Xã Mường Kim	40	36	30
4	Xã Khoen On	38	33	28
5	Xã Than Uyên	40	36	30
6	Xã Mường Than	40	36	30
7	Xã Pắc Ta	38	33	28
8	Xã Nậm Sỏ	33	31	26
9	Xã Tân Uyên	40	36	30
10	Xã Mường Khoa	40	36	30
11	Xã Bản Bo	38	33	28
12	Xã Bình Lư	40	36	30
13	Xã Tả Lèng	38	33	28
14	Xã Khun Há	33	31	26
15	Xã Tủa Sín Chải	31	29	24
16	Xã Sìn Hồ	38	33	28
17	Xã Hồng Thu	31	29	24
18	Xã Nậm Tăm	33	31	26
19	Xã Pu Sam Cáp	31	29	24
20	Xã Nậm Cuối	31	29	24
21	Xã Nậm Mạ	31	29	24
22	Xã Pa Tần	33	31	26
23	Xã Sin Suối Hồ	38	33	28
24	Xã Phong Thổ	40	36	30
25	Xã Đào San	33	31	26
26	Xã Sì Lở Lầu	33	31	26
27	Xã Khổng Lào	40	36	30
28	Xã Lê Lợi	38	33	28
29	Xã Nậm Hàng	38	33	28
30	Xã Mường Mô	38	33	28
31	Xã Hua Bum	33	31	26
32	Xã Bum Nưa	38	33	28
33	Xã Bum Tở	38	33	28
34	Xã Mường Tè	38	33	28
35	Xã Thu Lũm	33	31	26
36	Xã Pa Ủ	31	29	24
37	Xã Tả Tổng	31	29	24
38	Xã Mù Cả	31	29	24

VI. BẢNG GIÁ ĐẤT NƯƠNG RẪY

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	32	29	24
2	Phường Đoàn Kết	32	29	24
3	Xã Mường Kim	36	31	27
4	Xã Khoen On	32	29	24
5	Xã Than Uyên	36	31	27
6	Xã Mường Than	36	31	27
7	Xã Pắc Ta	30	27	22
8	Xã Nậm Sỏ	27	25	19
9	Xã Tân Uyên	32	29	24
10	Xã Mường Khoa	32	29	24
11	Xã Bản Bo	30	27	22
12	Xã Bình Lư	32	29	24
13	Xã Tả Lèng	30	27	22
14	Xã Khun Há	27	25	19
15	Xã Tủa Sín Chải	24	22	17
16	Xã Sìn Hồ	30	27	22
17	Xã Hồng Thu	24	22	17
18	Xã Nậm Tăm	27	24	19
19	Xã Pu Sam Cáp	24	22	17
20	Xã Nậm Cuối	24	22	17
21	Xã Nậm Mạ	24	22	17
22	Xã Pa Tần	27	24	19
23	Xã Sin Suối Hồ	30	27	22
24	Xã Phong Thổ	32	29	24
25	Xã Đào San	27	25	19
26	Xã Sì Lở Lầu	27	25	19
27	Xã Khổng Lào	32	29	24
28	Xã Lê Lợi	30	27	22
29	Xã Nậm Hàng	30	27	22
30	Xã Mường Mô	30	27	22
31	Xã Hua Bum	27	24	19
32	Xã Bum Nưa	30	27	22
33	Xã Bum Tở	30	27	22
34	Xã Mường Tè	30	27	22
35	Xã Thu Lũm	27	24	19
36	Xã Pa Ủ	24	22	17
37	Xã Tà Tổng	24	22	17
38	Xã Mù Cả	24	22	17

VII. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Phường Tân Phong	8
2	Phường Đoàn Kết	8
3	Xã Mường Kim	8
4	Xã Khoen On	8
5	Xã Than Uyên	8
6	Xã Mường Than	8
7	Xã Pắc Ta	8
8	Xã Nậm Sỏ	8
9	Xã Tân Uyên	8
10	Xã Mường Khoa	8
11	Xã Bản Bo	8
12	Xã Bình Lư	8
13	Xã Tả Lèng	8
14	Xã Khun Há	8
15	Xã Tủa Sín Chải	7
16	Xã Sìn Hồ	7
17	Xã Hồng Thu	7
18	Xã Nậm Tăm	7
19	Xã Pu Sam Cáp	7
20	Xã Nậm Cuối	7
21	Xã Nậm Mạ	7
22	Xã Pa Tần	7
23	Xã Sìn Suối Hồ	8
24	Xã Phong Thổ	8
25	Xã Đào San	8
26	Xã Sì Lở Lầu	8
27	Xã Khổng Lào	8
28	Xã Lê Lợi	7
29	Xã Nậm Hàng	7
30	Xã Mường Mô	7
31	Xã Hua Bum	7
32	Xã Bum Nưa	7
33	Xã Bum Tở	7
34	Xã Mường Tè	7
35	Xã Thu Lũm	7
36	Xã Pa Ủ	7
37	Xã Tả Tổng	7
38	Xã Mù Cả	7

VIII. ĐẤT CHĂN NUÔI TẬP TRUNG

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Phường Tân Phong	41	37	35
2	Phường Đoàn Kết	41	37	35
3	Xã Than Uyên	43	39	38
4	Xã Mường Than	43	39	38
5	Xã Mường Kim	43	39	38
6	Xã Khoen On	41	38	36
7	Xã Tân Uyên	42	38	36
8	Xã Mường Khoa	42	38	36
9	Xã Nậm Sỏ	37	35	31
10	Xã Pắc Ta	40	37	35
11	Xã Bình Lư	42	38	36
12	XÃ KHUN HÁ	37	35	31
13	Xã Tả Lèng	40	37	35
14	Xã Bản Bo	40	37	35
15	Xã Pa Tần	38	36	30
16	Xã Nậm Tăm	38	36	30
17	Xã Sìn Hồ	40	37	31
18	Xã Tủa Sín Chải	36	31	29
19	Xã Pu Sam Cáp	36	31	29
20	Xã Hồng Thu	36	31	29
21	Xã Nậm Mạ	36	31	29
22	xã Nậm Cuối	36	31	29
23	Xã Phong Thổ	40	37	35
24	Xã Sìn Suối Hồ	40	37	35
25	Xã Đào San	37	35	31
26	Xã Sì Lở Lầu	37	35	31
27	Xã Khổng Lào	42	38	36
28	Xã Nậm Hàng	40	37	31
29	Xã Mường Mô	40	37	31
30	Xã Hua Bum	38	36	30
31	Xã Lê Lợi	40	37	31
32	Xã Bum Nưa	40	37	31
33	xã Bum Tở	40	37	31
34	Xã Mường Tè	40	37	31
35	Xã Thu Lũm	38	36	30
36	Xã Pa Ủ	36	31	29
37	Xã Tả Tổng	36	31	29
38	Xã Mù Cả	36	31	29

IX. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

DVT:

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
IX.1	Phường Tân Phong					
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	4.200	1.500	630
2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	5.600	1.500	630
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	7.900		
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.200	750	530
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.600		
6	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	3.300	760	530
7	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	6.500	1.400	630
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	5.400	1.400	600
9	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	6.500	1.400	630
10	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	2.200		
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	2.600	740	520
12	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	3.500	1.040	570
13	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	4.000	1.180	680
14	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	4.000	1.180	680
15	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	4.200		
16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	3.300	1.500	570
17	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	6.500	1.700	850
18	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1.300	510	360
19	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	4.000	1.500	550
20	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	3.300	1.400	680
21	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.300		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.200		
23	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	3.300		
24	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.300		
25	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.300		
26	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	1.300		
27	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	1.300		
28	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	1.300		
29	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	1.300		
30	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	1.100		
31	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.200		
32	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	1.900	630	370
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	1.100	550	330
34	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	1.900		
35	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	700	320	220
36	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100		
37	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	3.300		
38	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.200		
39	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.200		
40	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.300		
41	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.300		
42	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	1.300		
43	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300		
44	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1.300		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
45	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1.300		
46	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.300		
47	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.300		
48	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	1.300		
49	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.900		
50	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1.300		
51	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300		
52	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300		
53	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	1.900		
54	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300		
55	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.900		
56	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300		
57	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300		
58	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300		
59	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	1.300		
60	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thành	900	390	230
61	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	1.900		
62	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900		
63	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900		
64	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.000		
65	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.000		
66	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.900		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
67	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	1.600		
68	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1.900		
69	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	1.900		
70	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900		
71	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900		
72	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1.900		
73	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	2.000		
74	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.000		
75	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.100		
76	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	900		
77	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1.900	710	500
78	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.900	710	500
79	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.900		
80	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.900		
81	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	1.900	600	420
82	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	2.200		
83	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	1.900	600	420
84	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	3.300		
85	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toản	1.900		
86	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.900		
87	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	2.200		
88	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1.900		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
89	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	2.500		
90	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	1.900		
91	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	1.900		
92	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.100		
93	Phố Nguyễn Văn Tố	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.600		
94	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	1.600		
95	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1.900		
96	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.900		
97	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	1.900		
98	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	3.300		
99	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	4.000		
100	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900		
101	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900	600	360
102	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	2.000		
103	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	1.900	600	360
104	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900		
105	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.100		
106	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.900		
107	Phố Trần Quốc Toản	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1.900		
108	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	3.300		
109	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	1.900		
110	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	1.900	710	500

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
111	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	4.000		
112	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	3.700		
113	Đường D5, D6 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	2.000		
114	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	2.000		
115	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	2.100		
116	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiền	1.600		
117	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	1.600		
118	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	2.600		
119	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.600		
120	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.600		
121	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.600		
122	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.900		
123	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	1.600		
124	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.300		
125	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	2.600		
126	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	2.000		
127	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	2.000		
128	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp cổng nhà máy chè	700	450	310
129	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.600		
130	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	1.900		
131	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1.600		
132	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	1.100	490	360
133	Đường nhánh tám Ao cá Béc Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	1.100	500	360

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
134	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1.300		
135	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1.300		
136	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	1.300		
137	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	1.100		
138	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1.300		
139	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	1.600		
140	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.300		
141	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.300		
142	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	710		
143	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.500	570	380
144	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	850	410	280
145	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280
146	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	2.800	860	420
147	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	2.000		
148	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	2.900	1.450	870
149	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.900	710	420
150	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.900		
151	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.100		
152	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.300		
153	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	850	410	280
154	Đường số 7 (Nhánh 2 vòng góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	750	410	280
155	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	1.100		
156	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	2.600		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
157	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	770	410	280
158	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	770	410	280
159	Đường đi UBND xã Sùng Phài cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	710	340	240
160	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	710	400	270
161	Đường ven hồ lãg	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280
162	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280
163	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1.300		
164	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	1.700	890	510
165	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	1.800	990	510
166	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Tỷ Phùng			1.300	830	570
IX.2	Phường Đoàn Kết					
1	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	5.000	1.400	600
2	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	4.600	1.400	600
3	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	2.400	760	460
4	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	1.100	510	360
5	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	1.100	430	280
6	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.000	450	280
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	3.600	990	600

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	3.200	990	510
9	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	3.200	1.040	680
10	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cổng trường mầm non Bình Minh	1.900	600	360
11	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.900	600	280
12	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.900		
13	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	1.700		
14	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.900	710	390
15	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	6.900	1.500	660
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	9.100	1.700	890
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	6.900	1.500	660
18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	5.400	1.140	630
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	4.600	1.140	630
20	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	700	450	380
21	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	1.100	490	360
22	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	850	410	280
23	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	710	360	280
24	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	3.200	990	530
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	2.800	990	530
26	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	3.300	1.650	990
27	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	2.700	1.040	650
28	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	3.300	990	610
29	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	1.100	490	360

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
30	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	1.900	600	360
31	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	1.900		
32	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	1.900	600	360
33	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	1.900	600	360
34	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.600	740	270
35	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.900	950	
36	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	2.200		
37	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	2.700		
38	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2.200		
39	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	2.600	1.000	
40	Phố Hoàng Công Chát (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	1.900		
41	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.900		
42	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.900		
43	Phố Nguyễn Thiếp (Đ5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chát	1.900		
44	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	1.900		
45	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	2.000		
46	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.900		
47	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1.600		
48	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	1.600		
49	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	750	410	280
50	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thống	1.300	600	280
51	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1.100	540	380

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
52	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	1.300	750	490
53	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100		
54	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	1.100		
55	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100		
56	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.900		
57	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.100		
58	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100		
59	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100		
60	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1.100		
61	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1.100		
62	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100		
63	Phố Nguyễn Tuấn	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	1.100		
64	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100		
65	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100		
66	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	1.200		
67	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lán Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			710	350	280
68	Đường nhánh bê tông (Bám nương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lán Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	710	350	280
69	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	1.100		
70	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	1.100		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
71	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	1.100		
72	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	1.100		
73	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	1.100		
74	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	890	380	220
75	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	690	315	210
76	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	710	320	220
77	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.100		
78	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.100		
79	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	1.100		

X. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

ĐVT: 1.000/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
X.1	Phường Tân Phong					
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.940	1.050	440
2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	3.920	1.050	440
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	5.530		
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.540	525	370
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.820		
6	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.310	530	370
7	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	4.550	980	440
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	3.780	980	420
9	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	4.550	980	440
10	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.540		
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	1.820	520	364
12	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	2.450	730	399
13	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.800	826	476
14	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	2.800	826	476
15	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	2.940		
16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	2.310	1.050	399
17	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	4.550	1.190	595
18	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	910	357	252
19	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	2.800	1.050	385
20	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	2.310	980	476
21	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	910		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.540		
23	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.310		
24	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	910		
25	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	910		
26	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	910		
27	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	910		
28	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	910		
29	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	910		
30	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	770		
31	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.540		
32	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	1.330	440	259
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	770		
34	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	1.330		
35	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	490	224	154
36	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	770		
37	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.310		
38	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.540		
39	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.540		
40	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	910		
41	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	910		
42	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	910		
43	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910		
44	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	910		
45	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	910		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
46	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	910		
47	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	910		
48	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	910		
49	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.330		
50	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	910		
51	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910		
52	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910		
53	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	1.330		
54	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910		
55	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.330		
56	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910		
57	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910		
58	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910		
59	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	910		
60	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thành	630	273	160
61	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	1.330		
62	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330		
63	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330		
64	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.400		
65	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.400		
66	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.330		
67	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	1.120		
68	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1.330		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
69	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	1.330		
70	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330		
71	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330		
72	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1.330		
73	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	1.400		
74	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.400		
75	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	770		
76	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	630		
77	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1.330	497	350
78	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.330	497	350
79	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.330		
80	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.330		
81	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	1.330	420	294
82	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.540		
83	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	1.330	420	294
84	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	2.310		
85	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	1.330		
86	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.330		
87	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	1.540		
88	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1.330		
89	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.750		
90	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	1.330		
91	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	1.330		
92	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.470		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
93	Phố Nguyễn Văn Tố	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.120		
94	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	1.120		
95	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1.330		
96	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.330		
97	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	1.330		
98	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.310		
99	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.800		
100	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330		
101	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330	420	252
102	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	1.400		
103	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	1.330	420	252
104	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330		
105	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	770		
106	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.330		
107	Phố Trần Quốc Toản	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1.330		
108	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.310		
109	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	1.330		
110	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	1.330	497	350
111	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.800		
112	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	2.590		
113	Đường D5, D6 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.400		
114	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.400		
115	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.470		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
116	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiền	1.120		
117	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	1.120		
118	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.820		
119	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.120		
120	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.120		
121	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.120		
122	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.330		
123	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	1.120		
124	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	910		
125	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.820		
126	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.400		
127	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	1.400		
128	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp công nhà máy chè	490	315	217
129	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.120		
130	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	1.330		
131	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1.120		
132	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	770	343	252
133	Đường nhánh tám Ao cá Bác Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	770	350	252
134	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	910		
135	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	910		
136	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	910		
137	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	770		
138	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	910		
139	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	1.120		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
140	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	910		
141	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	910		
142	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	500		
143	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.050	399	266
144	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	595	287	196
145	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196
146	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.960	602	294
147	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.400		
148	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	2.030		
149	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.330	497	294
150	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.330		
151	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	770		
152	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	910		
153	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	595	287	196
154	Đường số 7 (Nhánh 2 vòng góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	525	287	196
155	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	770		
156	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1.820		
157	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	540	287	196
158	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	540	287	196
159	Đường đi UBND xã Sùng Phái cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	500	238	168
160	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	497	286	216
161	Đường ven hồ lãg	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
162	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196
163	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	910		
164	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	1.190	623	357
165	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	1.260	693	357
166	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Ty Phùng			910	580	399
X.2	Phường Đoàn Kết					
1	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	3.500	980	420
2	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	3.220	980	420
3	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.680	532	322
4	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	770	357	252
5	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	770	300	196
6	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	700	315	196
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	2.520	693	420
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	2.240	693	357
9	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	2.240	728	476
10	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp công trường mầm non Bình Minh	1.330	420	252
11	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.330	420	196
12	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.330		
13	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	1.190		
14	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.330	497	273
15	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	4.830	1.050	462

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	6.370	1.190	623
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	4.830	1.050	462
18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	3.780	798	440
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	3.220	798	440
20	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	490	315	266
21	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	770	343	252
22	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	590	287	248
23	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	497	281	219
24	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	2.240	693	370
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	1.960	693	370
26	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	2.310		
27	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	1.890	728	455
28	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	2.310	693	427
29	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	770	343	252
30	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	1.330	420	252
31	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	1.330		
32	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	1.330	420	252
33	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	1.330	420	252
34	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.120	518	189
35	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.330		
36	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.540		
37	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.890		
38	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.540		
39	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	1.820	700	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
40	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	1.330		
41	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.330		
42	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.330		
43	Phố Nguyễn Thiếp (D5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	1.330		
44	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	1.330		
45	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.400		
46	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.330		
47	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1.120		
48	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	1.120		
49	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	525	287	196
50	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thống	910	420	196
51	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	770	378	266
52	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	910	525	343
53	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770		
54	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	770		
55	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770		
56	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.330		
57	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	770		
58	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770		
59	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770		
60	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	770		
61	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	770		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
62	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770		
63	Phố Nguyễn Tuân	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	770		
64	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770		
65	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770		
66	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	840		
67	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lân Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			500	245	196
68	Đường nhánh bê tông (Bám nương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lân Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	500	245	196
69	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	770		
70	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	770		
71	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	770		
72	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	770		
73	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	770		
74	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	620	266	154
75	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	480	220	147
76	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	500	224	154
77	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	770		
78	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	770		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
79	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	770		

**XI. GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP
KHÔNG PHẢI ĐẤT TMDV TẠI ĐÔ THỊ**

ĐVT: 1.000/m²

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
XI.1	PHƯỜNG TÂN PHONG					
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.100	750	315
2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.800	750	315
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3.950		
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100	375	265
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.300		
6	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.650	380	265
7	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	3.250	700	315
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	2.700	700	300
9	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	3.250	700	315
10	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.100		
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	1.300	370	260
12	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	1.750	520	285
13	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.000	590	340
14	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	2.000	590	340
15	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	2.100		
16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	1.650	750	285
17	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	3.250	850	425
18	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	650	255	180
19	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	2.000	750	275
20	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	1.650	700	340
21	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	650		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100		
23	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.650		
24	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	650		
25	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	650		
26	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	650		
27	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	650		
28	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	650		
29	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	650		
30	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	550		
31	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.100		
32	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	950	315	185
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	550		
34	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	950		
35	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	350	160	110
36	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	550		
37	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.650		
38	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.100		
39	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.100		
40	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	650		
41	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	650		
42	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	650		
43	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650		
44	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	650		
45	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	650		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
46	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	650		
47	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	650		
48	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	650		
49	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	950		
50	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	650		
51	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650		
52	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650		
53	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	950		
54	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650		
55	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	950		
56	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650		
57	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650		
58	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650		
59	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	650		
60	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thành	450	195	115
61	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	950		
62	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	950		
63	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950		
64	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.000		
65	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.000		
66	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	950		
67	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	800		
68	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	950		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
69	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	950		
70	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950		
71	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950		
72	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	950		
73	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	1.000		
74	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.000		
75	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	550		
76	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	450		
77	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	950	355	250
78	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	950	355	250
79	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	950		
80	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	950		
81	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	950	300	210
82	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.100		
83	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	950	300	210
84	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	1.650		
85	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	950		
86	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	950		
87	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	1.100		
88	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	950		
89	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.250		
90	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	950		
91	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	950		
92	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.050		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
93	Phố Nguyễn Văn Tố	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	800		
94	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	800		
95	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	950		
96	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	950		
97	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	950		
98	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.650		
99	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.000		
100	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950		
101	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950	300	180
102	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	1.000		
103	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	950	300	180
104	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950		
105	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	550		
106	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	950		
107	Phố Trần Quốc Toản	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	950		
108	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.650		
109	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	950		
110	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	950	355	250
111	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.000		
112	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	1.850		
113	Đường D5, D6, (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.000		
114	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.000		
115	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.050		
116	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiến	800		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
117	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	800		
118	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.300		
119	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	800		
120	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	800		
121	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	800		
122	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	950		
123	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	800		
124	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	650		
125	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.300		
126	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.000		
127	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	1.000		
128	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp cổng nhà máy chè	350	225	155
129	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	800		
130	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	950		
131	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	800		
132	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	550	245	180
133	Đường nhánh tám Ao cá Bác Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	550	250	180
134	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	650		
135	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	650		
136	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	650		
137	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	550		
138	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	650		
139	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	800		
140	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	650		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
141	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	650		
142	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	355		
143	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	750	285	190
144	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	425	205	140
145	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140
146	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.400	430	210
147	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.000		
148	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	1.450		
149	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	950	355	210
150	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	950		
151	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	550		
152	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	650		
153	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	425	205	140
154	Đường số 7 (Nhánh 2 vòng góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	375	205	140
155	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	550		
156	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1.300		
157	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	385	205	140
158	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	385	205	140
159	Đường đi UBND xã Sùng Phái cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	355	170	120
160	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	355	240	160
161	Đường ven hồ lãg	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140
162	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
163	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	650		
164	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	850	445	255
165	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	900	495	255
166	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Tỷ Phùng			650	415	285
XI.2 PHƯỜNG ĐOÀN KẾT						
1	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2.500	700	300
2	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	2.300	700	300
3	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.200	380	230
4	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	550	255	180
5	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	550	215	140
6	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	500	225	140
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.800	495	300
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	1.600	495	255
9	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.600	520	340
10	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cổng trường mầm non Bình Minh	950	300	180
11	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	950	300	140
12	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	950		
13	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	850		
14	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	950	355	195
15	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	3.450	750	330
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	4.550	850	445
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	3.450	750	330

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	2.700	570	315
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	2.300	570	315
20	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	350	225	190
21	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	550	245	180
22	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	425	205	140
23	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	355	240	160
24	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	1.600	495	265
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	1.400	495	265
26	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	1.650		
27	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	1.350	520	325
28	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	1.650	495	305
29	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	550	245	180
30	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	950	300	180
31	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	950		
32	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	950	300	180
33	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	950	300	180
34	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	800	370	135
35	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	950		
36	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.100		
37	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.350		
38	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.100		
39	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	1.300	500	
40	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	950		
41	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	950		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
42	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	950		
43	Phố Nguyễn Thiếp (D5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	950		
44	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	950		
45	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.000		
46	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	950		
47	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	800		
48	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	800		
49	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	375	205	140
50	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thống	650	300	140
51	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	550	270	190
52	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	650	375	245
53	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550		
54	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	550		
55	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550		
56	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	950		
57	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap.	Tiếp giáp đường R12	550		
58	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550		
59	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550		
60	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	550		
61	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	550		
62	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550		
63	Phố Nguyễn Tuấn	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	550		
64	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550		

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
65	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550		
66	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	600		
67	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lán Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			355	175	140
68	Đường nhánh bê tông (Bám nương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lán Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	355	175	140
69	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	550		
70	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	550		
71	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	550		
72	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	550		
73	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	550		
74	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	445	190	110
75	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	345	158	105
76	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	355	160	110
77	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	550		
78	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	550		
79	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	550		

XII. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

DVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
XII.1	XÃ THAN UYÊN					
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	6.000	1.900	950
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	4.200	1.500	680
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	3.700	1.400	570
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	3.100	1.200	500
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	2.800	1.100	450
6	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	1.700	600	330
7	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	800	370	180
8	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	900	360	170
9	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	900	360	170
10	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	900	360	170
11	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	800	320	150
12	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	800	320	150
13	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	1.300	300	150
14	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	800	320	150
15	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	800	320	150
16	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	500	250	150
17	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bản Đông	500	250	150

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
18	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	2.300	900	420
19	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	1.100	500	220
20	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	1.100	500	220
21	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	1.400	500	280
22	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	1.100	500	220
23	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	1.400	500	280
24	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	900	360	170
25	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	1.200	500	220
26	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	900	360	170
27	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	800	320	150
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	800	320	150
29	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	800	320	150
30	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	800	320	150
31	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	800	320	150
32	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trọng	440	230	150
33	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	500	250	150
34	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	510	250	150
35	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	500	250	150

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
36	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	510	250	150
37	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	510	250	150
38	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	520	250	150
39	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	510	250	150
40	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	510	250	150
41	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	510	250	150
42	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	720	280	170
43	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	930	360	170
44	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	780	370	180
45	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	510	250	150
46	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	1.000	400	170
47	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	780	320	150
48	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	430	240	150
49	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	380	190	140
50	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	380	190	140
51	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	470	250	160
52	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	380	190	140
53	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	380	190	140
54	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	380	190	140
55	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	470	250	160
56	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đổi diện công Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	470	250	160
57	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	380	190	140
58	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	380	190	140

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
59	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	380	190	140
60	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	380	190	140
61	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	470	250	160
62	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	470	250	160
63	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	310	210	140
64	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	310	210	140
65	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	380	190	140
66	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	380	190	140
67	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	470	250	160
68	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	380	190	140
69	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	470	250	160
70	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	310	210	140
71	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	380	240	160
72	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	380	240	160
73	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	380	240	160
74	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	310	210	140
75	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	310	210	140
76	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	310	210	140
77	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	310	210	140
78	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	310	210	140
79	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	800	610	270
80	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	470	250	160
81	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	470	250	160

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
82	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	470	250	160
83	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	380	190	140
84	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đấu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	310	210	140
85	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	310	210	140
86	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	310	210	140
87	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	310	210	140
88	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	310	210	140
89	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	470	250	160
90	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	310	210	140
91	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	310	210	140
92	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	1.000	400	170
93	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	380	190	140
94	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	380	190	140
95	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	780	320	150
Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ						
96	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chứ	1.900	720	280
97	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chứ	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	1.300	510	200
98	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	640	340	150
99	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	640	360	150
100	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	640	360	150
Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ						
101	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	1.100	550	300
102	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	620	360	150

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
XIV.2	XÃ MUỜNG THAN					
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ					
1	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	1.100	550	300
2	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	1.100	550	300
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	620	360	150
XIV.3	XÃ MUỜNG KIM					
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	850	460	270
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	450	190	130
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	790	440	260
4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	410	190	120
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	410	180	120
XIV.4	XÃ TÂN UYÊN					
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	4.200	2.300	1.900
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	2.900	1.800	1.400
3	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Đội thuế	3.100	1.800	1.400
4	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	2.900	1.800	1.400
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	1.100	600	500
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.100	600	500
7	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	1.100	600	500
8	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.100	600	500
9	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	860	570	350
10	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	940	620	370
11	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1.500	700	500
12	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	860	570	350

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	410	270	220
14	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	940	560	350
15	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	940	560	350
16	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	940	560	350
17	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	690	440	290
18	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	650	420	280
19	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	1.100	600	500
20	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	540	420	260
21	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hô Be	450	300	230
22	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	450	300	230
23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	450	300	230
24	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	2.000		
25	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	2.000		
26	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	460	240	190
27	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	1.300		
28	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	1.300		
29	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyên)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	1.300		
30	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	1.300		
31	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1.000		

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
32	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1.000		
33	Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	1.000		
34	Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	1.000		
35	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	1.060	620	460
36	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	930	560	530
37	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			670	370	290
XIV.5 XÃ BÌNH LŨ						
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	2.800	540	350
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	2.900	640	340
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mương Cầu	2.100	450	260
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mương Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	940	260	160
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	940	260	160
6	Đường Tác Tĩnh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	1.000	260	160
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	3.600	640	350
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	1.400	340	250
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	2.300	620	270
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	3.300	640	290
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	3.300	640	290
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	3.100	640	290
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	890		
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	930		

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	930		
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	1.000	270	160
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1.500		
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800		
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800		
20	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1.500		
21	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.700		
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500		
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.700	370	190
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500		
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.400	340	190
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	1.400		
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.200		
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	630		
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	590		
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	1.400		
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	2.600	620	330
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	1.400		
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	1.400		
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800		
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500		
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	2.600		
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2.900		
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2.900		
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tố Hữu	630	240	160

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
40	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	630	240	160
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	350		
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	650		
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	830		
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	420	180	140
XIV.6	XÃ KHUN HÁ					
1	Tuyến đường Tam Đường - Bản Hon - Bình Lư	Ngã ba đi vào trung tâm xã Bản Giang cũ (phường Tân Phong)	Tiếp giáp địa phận xã Bản Hon cũ (xã Khun Há)	380	113	97
XIV.7	XÃ BẢN BO					
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hưng Phong	350	102	65
XIV.8	XÃ SÌN HỒ					
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1.600	890	340
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1.600	890	340
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	1.230	540	280
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTDTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	640	340	180
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn cũ)	470	250	150
6	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	1.230	540	280
7	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	910	450	280

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1.600	890	340
9	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	910	450	280
10	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	910	450	280
11	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	470	280	160
12	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	700	360	190
13	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	640	340	180
14	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	1.800	1.200	620
15	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1.700	930	600
16	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	1.600	810	500
17	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	640	340	180
18	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	380	190	140
19	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	360	190	130
20	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	360	190	130
21	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	360	190	130
22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	560	270	160
23	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khính	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	380	190	140
24	Đường nội thị	Ranh giới đất Dây nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	380	190	140
25	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sìn Hồ Vây	380	190	140
26	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	1.210	730	370
27	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	340	160	130

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tẩy	340	160	130
XIV.9 XÃ PHONG THỔ						
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	3.200		
2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	790	490	300
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	1.300	580	300
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	2.200		
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	2.500		
6	Phố Bê Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.900		
7	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.900		
8	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.900		
9	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.900		
10	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.500		
11	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.900		
12	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.900		
13	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.500		
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800		
15	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800		
16	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	1.200		
XIV.10 XÃ NẠM HÀNG						
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	890	710	410
2	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	1.400	1.200	700
3	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	430	280	190
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	520	360	230
5	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	840	640	460
6	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phượng Huyền	840	640	460

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	840	640	460
8	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	740	590	340
9	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	400	270	220
10	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	400	270	220
11	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	280	190	150
12	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	270	170	150
13	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cầy	350	230	170
14	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	260	200	140
15	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cầy)	350	260	180
16	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	350	230	170
17	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh cũ	270	170	150
18	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	400	270	180
19	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	400	270	180
XIV.11 XÃ BUM TỎ						
1	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	1.358	710	487
2	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	1.065	622	532
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	1.065	622	532
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa cũ	887	566	509
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	1.234	674	509
6	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	1.234	674	509
7	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	1.234	674	509
8	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	1.234	674	509

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	1.234	674	509
10	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	1.234	674	509
11	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	1.234	674	509
12	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	887	566	486
13	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đến bờ kè tam cấp	887	566	486
14	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	1.124	622	486
15	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	887	566	486
16	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	887	566	486
17	Đường nội thị	Tiếp giáp cổng trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim	946	611	475
18	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	887	566	486
19	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	887	566	486
20	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	887	566	486
21	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	887	566	486
22	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	887	566	486
23	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	887	566	486
24	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	887	566	486
25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	946	611	475
26	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	887	566	486
27	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	679		
28	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	679		
29	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	679		
30	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	1.358	710	543
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	679	486	389

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12)	Đường Nậm Bùn (VT trường mầm non thị trấn)	1.234	674	532
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	1.872		
34	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	1.358	710	622
35	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	887	566	486
36	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bùn	1.672	828	622
37	Phố Cù Chính Lan	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bùn	1.672	828	622
38	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.543	769	588
39	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.872	913	651
40	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	1.234	674	509

XIII. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

DVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
XIII.1	XÃ THAN UYÊN					
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	4.200	1.330	665
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	2.940	1.050	476
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	2.590	980	399
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	2.170	840	350
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	1.960	770	315
6	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	1.190	420	230
7	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	560	260	126
8	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	630	252	120
9	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	630	252	120
10	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	630	252	120
11	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	560	224	105
12	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	560	224	105
13	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	910	210	105
14	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	560	224	105
15	Đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	560	224	105
16	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	350	175	105
17	Ngõ Di Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bản Đông	350	175	105

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
18	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	1.610	630	294
19	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	770	350	154
20	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	770	350	154
21	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	980	350	196
22	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	770	350	154
23	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	980	350	196
24	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	630	252	120
25	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	840	350	154
26	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	630	252	120
27	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	560	224	105
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	560	224	105
29	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	560	224	105
30	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	560	224	105
31	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	560	224	105
32	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trọng	308	160	105
33	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	350	175	105
34	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	350	175	105
35	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	350	175	105

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
36	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	357	175	105
37	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	357	175	105
38	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	364	175	105
39	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	357	175	105
40	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	357	175	105
41	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	357	175	105
42	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	504	196	120
43	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	650	252	120
44	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	546	260	126
45	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	357	175	105
46	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	700	280	120
47	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	546	224	105
48	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	300	168	105
49	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	266	133	98
50	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	266	133	98
51	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	330	175	112
52	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	266	133	98
53	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	266	133	98
54	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	266	133	98
55	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	330	175	112
56	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đối diện công Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	330	175	112
57	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	266	133	98
58	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	266	133	98

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
59	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	266	133	98
60	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	266	133	98
61	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	330	175	112
62	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	330	175	112
63	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	217	147	98
64	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	217	147	98
65	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	266	133	98
66	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	266	133	98
67	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	330	175	112
68	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	266	133	98
69	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	330	175	112
70	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	217	147	98
71	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	266	168	112
72	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	266	168	112
73	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	266	168	112
74	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	217	147	98
75	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	217	147	98
76	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	217	147	98
77	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	217	147	98
78	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	217	147	98
79	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	560	430	189
80	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	330	175	112
81	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	330	175	112

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
82	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	330	175	112
83	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	266	133	98
84	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đầu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	217	147	98
85	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	217	147	98
86	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	217	147	98
87	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	217	147	98
88	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	217	147	98
89	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	330	175	112
90	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	217	147	98
91	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	217	147	98
92	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	700	280	120
93	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	266	133	98
94	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	266	133	98
95	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	546	224	105
Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ						
96	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chứ	1.330	504	196
97	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chứ	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	910	357	140
98	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	450	238	105
99	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	450	252	105
100	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	450	252	105
Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ						
101	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	770	385	210
102	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	434	252	105

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
XIV.2	XÃ MUỜNG THAN					
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ					
1	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	770	385	210
2	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	770	385	210
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	434	252	105
XIV.3	XÃ MUỜNG KIM					
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	595	320	189
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Muờng Cang cũ	315	133	90
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Muờng Kim	Cầu Muờng Kim	550	310	182
4	QL 279	Cầu Muờng Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	287	133	84
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Muờng Kim	287	126	84
XIV.4	XÃ TÂN UYÊN					
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.940	1.610	1.330
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	2.030	1.260	980
3	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Đội thuế	2.170	1.260	980
4	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	2.030	1.260	980
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	770	420	350
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	770	420	350
7	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	770	420	350
8	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	770	420	350
9	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	600	400	245
10	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	660	434	259
11	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1.050	490	350
12	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	600	400	245

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	287	190	154
14	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	660	390	245
15	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	660	390	245
16	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	660	390	245
17	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	480	310	203
18	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	455	294	196
19	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	770	420	350
20	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	380	294	182
21	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	315	210	160
22	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	315	210	160
23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	315	210	160
24	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.400		
25	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1.400		
26	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	320	168	133
27	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	910		
28	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	910		
29	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyên)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	910		
30	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	910		
31	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	700		

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
32	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	700		
33	Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	700		
34	Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	700		
35	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	740	430	330
36	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	650	390	370
37	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			470	260	203
XIV.5 XÃ BÌNH LŨ						
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1.960	380	245
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	2.030	450	238
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mương Cầu	1.470	315	182
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mương Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	660	182	112
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	660	182	112
6	Đường Tác Tĩnh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	700	182	112
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	2.520	450	245
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	980	238	175
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.610	434	189
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	2.310	450	203
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	2.310	450	203
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	2.170	450	203
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	620		
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	650		

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	650		
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	720	190	120
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1.050		
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260		
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260		
20	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1.050		
21	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.190		
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050		
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.190	260	133
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050		
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	980	238	133
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	980		
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	840		
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	440		
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	413		
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	980		
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1.820	434	230
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	980		
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	980		
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260		
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050		
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1.820		
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2.030		
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2.030		
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tố Hữu	440	168	112

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
40	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	440	168	112
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	245		
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	455		
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	580		
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	294	126	98
XIV.6	XÃ KHUN HÁ					
1	Tuyến đường Tam Đường - Bản Hon - Bình Lư	Ngã ba đi vào trung tâm xã Bản Giang cũ (phường Tân Phong)	Tiếp giáp địa phận xã Bản Hon cũ (xã Khun Há)	266	79	68
XIV.7	XÃ BẢN BO					
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hưng Phong	245	70	46
XIV.8	XÃ SÌN HỒ					
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1.120	620	238
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1.120	620	238
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	860	380	196
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTDTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	450	238	126
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn cũ)	329	170	118
6	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	860	380	196
7	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	640	315	196

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1.120	620	238
9	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	640	315	196
10	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	640	315	196
11	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	330	196	112
12	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	490	252	133
13	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	450	238	126
14	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	1.260	840	434
15	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1.190	650	420
16	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	1.120	570	350
17	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	450	238	126
18	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	266	133	98
19	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	252	133	90
20	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	252	133	90
21	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	252	133	90
22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	390	190	112
23	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khính	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	266	133	98
24	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	266	133	98
25	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sìn Hồ Vây	266	133	98
26	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	850	510	259
27	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	238	112	90

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	238	112	90
XIV.9	XÃ PHONG THỔ					
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	2.240		
2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	550	340	230
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	910	406	210
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1.540		
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1.750		
6	Phố Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.330		
7	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.330		
8	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.330		
9	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.330		
10	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.050		
11	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.330		
12	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.330		
13	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.050		
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.260		
15	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.260		
16	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	840		
XIV.10	XÃ NẠM HÀNG					
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	620	500	287
2	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	980	840	490
3	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	300	196	133
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	364	252	160
5	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	590	450	322
6	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phụng Huyền	590	450	322

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	590	450	322
8	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	520	413	238
9	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	280	190	154
10	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	280	190	154
11	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	196	133	105
12	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	190	119	105
13	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cầy	245	160	120
14	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	182	140	98
15	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cầy)	245	182	126
16	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Mạnh	245	160	120
17	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Mạnh cũ	190	119	105
18	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	280	190	126
19	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	280	190	126
XIV.11 XÃ BUM TỎ						
1	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	950	500	340
2	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	750	435	372
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	750	435	372
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa cũ	620	396	356
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	860	470	356
6	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	860	470	356
7	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	860	470	356
8	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	860	470	356

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	860	470	356
10	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	860	470	356
11	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	860	470	356
12	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	620	396	340
13	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đến bờ kè tam cấp	620	396	340
14	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	790	435	340
15	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	620	396	340
16	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	620	396	340
17	Đường nội thị	Tiếp giáp công trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim	660	430	333
18	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	620	396	340
19	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	620	396	340
20	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	620	396	340
21	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	620	396	340
22	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	620	396	340
23	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	620	396	340
24	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	620	396	340
25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	660	430	333
26	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	620	396	340
27	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	475		
28	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	475		
29	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	475		
30	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	950	500	380
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	475	340	272

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn)	860	470	372
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	1.310		
34	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	950	500	435
35	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	620	396	340
36	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	1.170	580	435
37	Phố Cù Chính Lan	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	1.170	580	435
38	Phố Nguyễn Tuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.080	540	412
39	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.310	640	456
40	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	860	470	356

**XIV. ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT TMDV
TẠI NÔNG THÔN**

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
XIV.1	XÃ THAN UYÊN					
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	3.000	950	475
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	2.100	750	340
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	1.850	700	285
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	1.550	600	250
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	1.400	550	225
6	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	850	300	165
7	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	400	185	95
8	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	450	180	85
9	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	450	180	85
10	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	450	180	85
11	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	400	160	75
12	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	400	160	75
13	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	650	150	75
14	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	400	160	75
15	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	400	160	75
16	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	250	125	75

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
17	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bản Đông	250	125	75
18	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	1.150	450	210
19	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	550	250	110
20	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	550	250	110
21	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	700	250	140
22	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	550	250	110
23	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	700	250	140
24	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	450	180	85
25	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	600	250	110
26	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	450	180	85
27	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	400	160	75
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	400	160	75
29	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	400	160	75
30	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	400	160	75
31	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	400	160	75
32	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trọng	220	115	75
33	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	250	125	75

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
34	Phó Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	250	125	75
35	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	250	125	75
36	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	255	125	75
37	Phó Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	255	125	75
38	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	260	125	75
39	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	255	125	75
40	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	255	125	75
41	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	255	125	75
42	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	360	140	85
43	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	465	180	85
44	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	390	185	95
45	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	255	125	75
46	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	500	200	85
47	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	390	160	75
48	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	215	120	75
49	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	190	95	75
50	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	190	95	75
51	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	235	125	85
52	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	190	95	75
53	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	190	95	75
54	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	190	95	75
55	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	235	125	85

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
56	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đổi diện công Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	235	125	85
57	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	190	95	75
58	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	190	95	75
59	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	190	95	75
60	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	190	95	75
61	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	235	125	85
62	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	235	125	85
63	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	155	105	75
64	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	155	105	75
65	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	190	95	75
66	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	190	95	75
67	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	235	125	85
68	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	190	95	75
69	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	235	125	85
70	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	155	105	75
71	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	190	120	85
72	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	190	120	85
73	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	190	120	85
74	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	155	105	75
75	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	155	105	75
76	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	155	105	75
77	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	155	105	75
78	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	155	105	75

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
79	Phó Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	400	305	135
80	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	235	125	85
81	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	235	125	85
82	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	235	125	85
83	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	190	95	75
84	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đấu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	155	105	75
85	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	155	105	75
86	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	155	105	75
87	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	155	105	75
88	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	155	105	75
89	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	235	125	85
90	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	155	105	75
91	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	155	105	75
92	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	500	200	85
93	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	190	95	75
94	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	190	95	75
95	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	390	160	75
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ					
96	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chứ	950	360	140
97	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chứ	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	650	255	100
98	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	320	170	75
99	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	320	180	75

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
100	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	320	180	75
	Đường quốc lộ đi qua xã mường than cũ					
101	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	550	275	150
102	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	310	180	75
XIV.2	XÃ MUỜNG THAN					
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ					
1	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	550	275	150
2	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	550	275	150
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	310	180	75
XIV.3	XÃ MUỜNG KIM					
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	425	230	135
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	225	95	65
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	395	220	130
4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	205	95	65
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	205	90	65
XIV.4	XÃ TÂN UYÊN					
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nội	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.100	1.150	950
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	1.450	900	700
3	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nội	Hết ranh giới đất Đội thuế	1.550	900	700
4	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	1.450	900	700
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	550	300	250
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (cổng sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	550	300	250

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	550	300	250
8	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	550	300	250
9	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	430	285	175
10	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	470	310	185
11	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	750	350	250
12	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	430	285	175
13	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	205	135	110
14	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	470	280	175
15	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	470	280	175
16	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	470	280	175
17	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	345	220	145
18	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	325	210	150
19	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	550	300	250
20	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	270	210	130
21	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	225	150	115
22	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	225	150	115
23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	225	150	115
24	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.000		

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
25	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1.000		
26	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	236	125	95
27	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	650		
28	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	650		
29	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyên)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	650		
30	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	650		
31	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	500		
32	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	500		
33	Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	500		
34	Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	500		
35	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	530	310	230
36	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	465	280	265
37	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			335	185	145
XIV.5 XÃ BÌNH LƯ						
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1.400	270	175
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	1.450	320	170
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mùng Cầu	1.050	225	130
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mùng Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	470	130	85
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	470	130	85

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	Đường Tác Tĩnh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	500	130	85
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	1.800	320	175
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	700	170	125
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.150	310	135
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	1.650	320	145
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	1.650	320	145
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	1.550	320	145
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	445		
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	465		
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	465		
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tĩnh	520	140	86
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	750		
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	900		
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	900		
20	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	750		
21	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	850		
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750		
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	850	185	95
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750		
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	700	170	95
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	700		
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	600		
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	315		
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	295		

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	700		
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1.300	310	165
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	700		
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	700		
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	900		
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750		
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1.300		
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	1.450		
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	1.450		
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tổ Hữu	315	120	85
40	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	315	120	85
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	175		
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	325		
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	415		
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	210	90	75
XIV.6	XÃ KHUN HÁ					
1	Tuyến đường Tam Đường - Bản Hôn - Bình Lư	Ngã ba đi vào trung tâm xã Bản Giang cũ (phường Tân Phong)	Tiếp giáp địa phận xã Bản Hôn cũ (xã Khun Há)	196	57	54
XIV.7	XÃ BẢN BO					
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hưng Phong	175	57	33
XIV.8	XÃ SÌN HỒ					
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	800	445	170

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	800	445	170
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	620	270	140
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTDTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	320	170	100
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn cũ)	235	125	75
6	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	620	270	140
7	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	455	225	140
8	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	800	445	170
9	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	455	225	140
10	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	455	225	140
11	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	235	140	85
12	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	350	180	95
13	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	320	170	95
14	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	900	600	310
15	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	850	465	300
16	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	800	405	250
17	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	320	170	95
18	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	190	95	75
19	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chăn Nưa cũ)	180	95	65
20	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	180	95	65
21	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	180	95	65

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	280	135	85
23	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khánh	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	190	95	75
24	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	190	95	75
25	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sìn Hồ Vây	190	95	75
26	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	610	365	185
27	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	170	80	65
28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tẩy	170	80	65
XIV.9	XÃ PHONG THỔ					
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	1.600		
2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	395	245	150
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	650	290	150
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1.100		
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1.250		
6	Phố Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	950		
7	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	950		
8	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	950		
9	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	950		
10	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	750		
11	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	950		
12	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	950		
13	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	750		
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	900		
15	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	900		

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	600		
XIV.10	XÃ NẬM HÀNG					
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	445	355	205
2	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	700	600	350
3	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	215	140	95
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	260	180	115
5	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	420	320	230
6	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền	420	320	230
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	420	320	230
8	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	370	295	170
9	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	200	135	110
10	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	200	135	110
11	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	140	95	75
12	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	135	85	75
13	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	175	115	85
14	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	130	100	75
15	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cây)	175	130	95
16	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Mạnh	175	115	85
17	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Mạnh cũ	135	85	75
18	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	200	135	95
19	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	200	135	95
XIV.11	XÃ BUM TỎ					
1	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	680	355	244
2	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	530	310	266

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan Văn Thái)	530	310	266
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bùn Nưa cũ	590	328	260
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	620	340	255
6	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	620	340	255
7	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	620	340	255
8	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	620	340	255
9	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	620	340	255
10	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	620	340	255
11	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	620	340	255
12	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	440	283	243
13	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đến bờ kè tam cấp	440	283	243
14	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	560	310	243
15	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	440	283	243
16	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	440	283	243
17	Đường nội thị	Tiếp giáp công trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim	470	306	238
18	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	440	283	243
19	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	440	283	243
20	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	440	283	243
21	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	440	283	243
22	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	440	283	243
23	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	440	283	243
24	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	440	283	243
25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	470	306	238

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
				(5)	(6)	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
26	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	440	283	243
27	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	340		
28	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	340		
29	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	340		
30	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	680	355	270
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	340	243	195
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn)	620	340	266
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	940		
34	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	680	355	310
35	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	440	283	243
36	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	840	410	310
37	Phố Cù Chính Lan	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	840	410	310
38	Phố Nguyễn Tuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	770	385	294
39	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	940	460	326
40	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	620	340	255

XV. ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

ĐVT: 1.000/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất					
		Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Phường Tân Phong	2.000	620	300			
2	Phường Đoàn Kết	2.300	450	250			
3	Xã Than Uyên	1.600	520	280			
4	Xã Mường Than	550	280	150	220	130	70
5	Xã Mường Kim	430	230	140	130	70	53
6	Xã Khoen On	260	180	120	130	65	54
7	Xã Tân Uyên	1.100	610	510	120	76	58
8	Xã Mường Khoa	300	210	140	160	95	75
9	Xã Nậm Sỏ (gồm: xã Nậm Sỏ cũ, Tà Mít cũ)	70	56	43	55	43	33
10	Xã Pắc Ta	260	160	120	150	95	65
11	Xã Bình Lư	940	190	100	93	61	42
12	Xã Khun Há	196	57	54	55	42	42
13	Xã Tả Lèng	120	55	33	55	42	42
14	Xã Bản Bo	180	59	34	57	43	43
15	Xã Pa Tần	190	80	56	65	43	33
16	Xã Nậm Tăm	190	80	56	65	43	33
17	Xã Sin Hồ	490	330	170	53	32	32
18	Xã Tủa Sín Chải	96	55	33	54	32	32
19	Xã Pu Sam Cáp	96	55	33	54	32	32
20	Xã Hồng Thu (gồm: xã Hồng Thu cũ, xã Phìn Hồ cũ, xã Ma Quai cũ)	96	55	33	54	32	32
21	Xã Nậm Mạ (gồm: xã Căn Co cũ, xã Nậm Mạ cũ)	96	55	33	54	32	32
22	xã Nậm Cuối	96	55	33	54	32	32
23	Xã Phong Thổ	830	420	240	130	84	48
24	Xã Sin Suối Hồ	190	100	65	116	74	42
25	Xã Đào San	200	100	65	120	74	43
26	Xã Sì Lở Lầu (gồm: xã Vàng Ma Chải cũ, xã Sì Lở Lầu cũ, xã Mô Sì San cũ, xã Pa Vây Sừ cũ)	160	85	55	75	55	43
27	Xã Khổng Lào (gồm: xã Khổng Lào cũ, xã Hoang Thên cũ, xã Bản Lang cũ)	250	130	80	120	85	56
28	Xã Nậm Hàng	380	320	190	48	32	32
29	Xã Mường Mô	86	59	45	54	32	32
30	Xã Hua Bum	71	46	32	43	32	32

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất					
		Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
31	Xã Lê Lợi	190	79	54	65	43	33
32	Xã Bum Nua	170	120	79	110	65	65
33	xã Bum Tở	510	250	180	49	32	32
34	Xã Mường Tè	85	60	44	55	32	32
35	Xã Thu Lũm (gồm: xã Ka Lăng cũ, Thu Lũm cũ)	71	46	33	43	32	32
36	Xã Pa Ủ (gồm: xã Pa Ủ cũ, xã Tá Bạ cũ)	60	42	32	43	24	24
37	Xã Tà Tổng	57	43	32	43	22	22
38	Xã Mù Cả	57	43	32	43	22	22